



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Thạnh Phú - Xã Tân Hiệp - Huyện Tân Châu - Tây Ninh.
ĐT: 066 3875 193 - Fax: 066 3875 307 - Website: www.tabiruco.vn

DANH MỤC TÀI LIỆU



1. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018;
2. Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018;
3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018;
4. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018;
5. Báo cáo hoạt động SXKD năm 2017 và Kế hoạch năm 2018
6. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017;
7. Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017;
8. Tờ trình thông qua kế hoạch SXKD năm 2018;
9. Tờ trình Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017
10. Tờ trình lương của Chủ tịch HĐQT, thù lao của Thành viên HĐQT, lương của Trưởng BKS, thù lao của BKS; thưởng HĐQT, Ban TGD, BKS năm 2017 và kế hoạch tiền lương năm 2018;
11. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2018;
12. Tờ trình sửa đổi bổ sung Điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị.
13. Tờ trình bãi nhiệm và đề cử thành viên HĐQT.
14. Quy chế bầu cử HĐQT.
15. Đơn đề cử ứng viên tham gia HĐQT
16. Lý lịch của ứng viên tham gia HĐQT
17. Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
18. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Địa chỉ: Tò 2, ấp Thạnh Phú - Xã Tân Hiệp - Huyện Tân Châu – Tỉnh Tây Ninh.
ĐT: 0276 3875 193 - Fax: 0276 3875 307 - Website: www.tabiruco.vn

CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
(Bắt đầu lúc 08h00 ngày 15 tháng 6 năm 2018)

Thời gian	Nội dung	Chủ trì
7h00 – 8h00	<ul style="list-style-type: none">- Đón tiếp đại biểu và cổ đông;- Kiểm tra tư cách đại biểu, phát phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết, phiếu bầu cử và Tài liệu họp ĐHĐCĐ.	Ban tổ chức
8h00 – 8h10	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu;- Tuyên bố lý do;- Giới thiệu & Thông qua Đoàn chủ tịch, Ban kiểm phiếu;- Giới thiệu Ban thư ký.	Ban tổ chức
8h10 – 8h20	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua Quy chế làm việc;- Thông qua chương trình làm việc.	Chủ tịch đoàn
8h20 – 9h10	Các báo cáo tại cuộc họp ĐHĐCĐ: <ul style="list-style-type: none">- Báo cáo Hội đồng quản trị;- Báo cáo Ban kiểm soát;- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2017- Báo cáo tài chính kiểm toán Riêng và Hợp nhất năm 2017	Chủ tịch đoàn
		Đại diện BKS
		Tổng Giám đốc
9h10 – 10h00	Nội dung tờ trình: <ul style="list-style-type: none">- Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán Riêng và Hợp nhất năm 2017;- Tờ trình kế hoạch SXKD năm 2018;- Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2017;- Tờ trình thông qua lương của chủ tịch HĐQT, thù lao của thành viên HĐQT, lương của Trưởng Ban KS, thù lao của thành viên BKS, thưởng của HĐQT, Ban TGD, BKS năm 2017 và Kế hoạch tiền lương năm 2018;- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2018;- Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên.- Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.	Chủ tịch đoàn

	<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu của đại diện cô đồng lớn Tập đoàn CNCsvn <p><i>Đại hội thảo luận các nội dung, biểu quyết thông qua nội dung đề trình của HĐQT</i></p>	
10h00 – 10h30	<p>Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2021 gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Quy chế bầu cử, ứng cử, đề cử: Giới thiệu ứng cử viên Hội đồng quản trị; - Thông qua đơn xin từ nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị . - Thông qua đơn đề cử bầu bổ sung thành viên HĐQT - Hướng dẫn ghi phiếu và bỏ phiếu bầu cử; - Cô đồng thực hiện bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu. 	Chủ tịch đoàn
10h30 – 11h00	<p>Đại hội giải lao – kiểm phiếu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban kiểm phiếu làm việc 	Ban kiểm phiếu
11h00 – 11h30	<ul style="list-style-type: none"> - Công bố kết quả kiểm phiếu 	Ban kiểm phiếu
11h30 – 12h00	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội; - Tuyên bố bế mạc Đại hội: 	Chủ tịch đoàn / Ban Thư ký



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Thạnh Phú - Xã Tân Hiệp - Huyện Tân Châu - Tây Ninh
ĐT: 0276 3875 193 Fax: 0276 3875 307 Website : www.tabiruco.vn

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN NĂM 2018

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Điều lệ Công ty cổ phần Cao su Tân Biên.

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cao su Tân Biên năm 2018 được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Cao su Tân Biên diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- **Đối tượng:** Tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Cao su Tân Biên đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Cao su Tân Biên.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- Công ty : Công ty cổ phần Cao su Tân Biên
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, đại diện theo ủy quyền



Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội. Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 5. Đại biểu tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

- Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 14/3/2018 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.
- Đại biểu khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với BTC; ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do BTC quy định;
- Trong thời gian diễn ra Đại hội cổ đông, các đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tịch đoàn, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự tại Đại hội;
- Các đại biểu phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tịch cho phép;

Điều 6. Khách mời tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông/ không được nhận ủy quyền của cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

Điều 7. Đoàn Chủ tịch

- Đoàn Chủ tịch gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tịch đoàn và 02 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội. Chủ tịch đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà HĐQT đã dự kiến thông qua trước Đại hội.

- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
 - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
 - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch:

Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 8. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Chủ tịch đoàn chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
 - a. Giúp Đoàn Chủ tịch kiểm tra tư cách của cổ đông và đại diện cổ đông dự họp (khi cần thiết);
 - b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
 - c. Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tịch quyết định;
 - d. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;
 - e. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

Điều 9. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

1. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu

Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần

có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 10. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 05 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 04 thành viên do Chủ tịch đoàn giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tín nhiệm.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu
 - Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
 - Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội;
 - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết;

Điều 11. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:
 - Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;
 - Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho thư ký Đại hội;
 - Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn Chủ tịch;
 - Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tịch đoàn nhất trí mới được phát biểu. Mỗi đại biểu phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.
2. Giải đáp ý kiến của các đại biểu:
 - Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của đại biểu, Chủ tịch đoàn hoặc thành viên do Chủ tịch đoàn chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của đại biểu;
 - Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời bằng văn bản.

Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

1. Nguyên tắc:
 - Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.

Quy chế làm việc Đại hội cổ đông thường niên năm 2018

- Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 như sau:
 - o Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);
 - o Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017; Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017; và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

2. Cách thức biểu quyết:

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Khoản 2 Điều này.
- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tịch. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/ Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết. Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" hoặc "✓" vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

3. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

Quy chế làm việc Đại hội cổ đông thường niên năm 2018

- Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.
- Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.
- Phiếu biểu quyết không hợp lệ:
 - o Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu biểu quyết:
 - o Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

4. Thẻ lệ biểu quyết:

Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 14/3/2018) tổng số cổ phần của Công ty là: 87.945.000 cổ phần tương đương với 87.945.000 quyền biểu quyết.
- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 30 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- Lưu ý, cổ đông/ đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 3, Điều 162, Luật doanh nghiệp 2014).

5. Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết.
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 13. Biên bản, Nghị Quyết hợp Đại hội đồng cổ đông

Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội


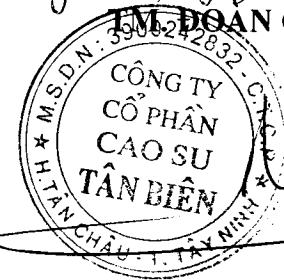
Điều 14. Thi hành Quy chế

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

Tây Ninh, ngày 15 tháng 6 năm 2018

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH

Trương Văn Cư



Số : 403 /BC-HĐQTCSTB

Tây Ninh, ngày tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO
Hội đồng quản trị về quản lý hoạt động Công ty năm 2017
và phương hướng, nhiệm vụ năm 2018

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty về các quyền và nhiệm vụ của HĐQT với vai trò quản trị, định hướng và giám sát Công ty, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT báo cáo về công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2018 trước Đại hội đồng cổ đông như sau:

Phần I

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

I. Đặc điểm tình hình:

Năm 2017, kinh tế thế giới hồi phục mạnh mẽ nhờ tiêu dùng cá nhân tăng, sự phát triển bền vững của đầu tư toàn cầu, sự cải thiện của thị trường lao động, giá dầu thế giới hồi phục mạnh. Một thập niên sau cuộc khủng hoảng tài chính làm rung động cả thế giới, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) trên toàn cầu đã bắt đầu có đà phục hồi, kinh tế thế giới đang thực sự khởi sắc.

Tuy nhiên, Công ty triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2017 trong bối cảnh Ngành Cao su Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức:

Tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, bệnh phấn trắng đầu mùa vụ; nạn trộm cắp mù mịt dù có giảm, nhưng vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi và diễn biến phức tạp gây không ít khó khăn cho công tác bảo vệ, giữ gìn tài sản.

Giá cao su sụt giảm mạnh vào những tháng cuối năm 2017 đã có sự ảnh hưởng đến khâu tiêu thụ, xuất khẩu.

Ngày 17/11/2017, Công ty tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông bất thường qua đó đã bầu bổ sung 1 thành viên HĐQT (đồng quản trị gồm 5 người) thay thế cho ông Huỳnh Hữu Minh nghỉ hưu, đồng thời HĐQT đã bầu ông Trương Minh Trung làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021.

Trong bối cảnh đó, dưới sự quản lý, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và sự thừa hành, điều hành của Ban tổng Giám đốc cùng với sự nỗ lực vượt bậc, quyết tâm cao độ của toàn thể người quản lý và người lao động, Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2017.

Hội đồng quản trị tiếp tục ban hành các quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thoả thuận nhân sự để bổ nhiệm, bổ nhiệm lại vào các cấp quản lý của Công ty. Để cụ thể hoá các quy định pháp luật và Điều lệ của Công ty, HĐQT xây dựng và ban

các quy chế, quy định về HĐQT, Ban điều hành, Ban kiểm soát và các đơn vị trực thuộc làm cơ sở thực hiện và phối hợp thực hiện.

II. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017

1. Thực hiện chỉ tiêu kinh doanh năm 2017

Theo báo cáo tài chính riêng của Công ty, kết quả một số chỉ tiêu chính như sau:

- Diện tích cao su khai thác: 4.322,45 ha.
- Cao su nhượng quyền khai thác: 30,63 ha.
- Diện tích cao su KTCB: 1.314,86 ha.
- Diện tích cao su thanh lý trong kỳ: 506,97 ha.
- Diện tích cao su tái canh: 516,21 ha.
- Trong năm 2017, Công ty khai thác được 8.249,43/7.775,48 tấn mù quy khô, đạt 106,10% kế hoạch (đã trừ 24,51 tấn mù nhượng quyền khai thác); Công ty tổ chức thu mua được 1.554,24/1.000 tấn mù quy khô, đạt 154,40% kế hoạch.
- Tổng sản phẩm tiêu thụ được 10.266/9.800 tấn mù thành phẩm các loại, đạt 104,8% kế hoạch.
- Giá thành tiêu thụ bình quân là 33,30 triệu đồng/tấn (kế hoạch 32,64 triệu đồng/tấn). Trong đó mù cao su khai thác có giá thành tiêu thụ bình quân: 31,48 triệu đồng/tấn (kế hoạch 31,5 triệu đồng/tấn).
- Giá bán bình quân là 39,9 triệu đồng/tấn (kế hoạch là 38,24 triệu đồng/tấn). Trong đó mù cao su khai thác: 40,48 triệu đồng/tấn (kế hoạch là 38,49 triệu đồng/tấn).
- Tổng doanh thu là 623/555 tỷ đồng, đạt 112,2% kế hoạch, trong đó doanh thu kinh doanh cao su là 410/338,8 tỷ đồng, đạt 109,7% kế hoạch.
- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2017 là 275,465/229,139 tỷ đồng, đạt 120,2% kế hoạch.

2. Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017.

Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ về việc giao cho HĐQT quyết định việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty theo quy định pháp luật và giao cho Tổng Giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC hoặc Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá AVA. HĐQT đã chọn Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên.

3. Chi trả lương, thưởng cho Chủ tịch HĐQT, Ban Điều hành, Ban kiểm soát và thù lao của Kiểm soát viên kiêm nhiệm.

Căn cứ Nghị quyết số 172/NQ-HĐQTCSTB ngày 29/12/2017 của Hội đồng quản trị Công ty CP Cao su Tân Biên về việc phê duyệt kế hoạch tiền lương của công ty Cổ phần Cao su Tân Biên năm 2017. Công ty đã chi trả tiền lương, thù lao cho các chức danh trên như sau:

- a) Chủ tịch HĐQT: 36.936.000 đồng/tháng (Tiền lương kế hoạch là 30.780.000 đồng/tháng).
- b) Tổng Giám đốc: 35.568.000 đồng/tháng (Tiền lương kế hoạch là 29.640.000 đồng/tháng).

c) Phó Tổng Giám đốc: 31.464.000 đồng/người/tháng (Tiền lương kế hoạch là 26.220.000 đồng/tháng).

d) Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 32.832.000đồng/tháng (Tiền lương kế hoạch là 27.360.000 đồng/tháng).

e) Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách: 3.283.000/người/tháng (Tiền lương kế hoạch là 2.736.000 đồng/tháng).

Tiền lương của các chức danh trên hàng tháng được tạm trả 80% và sẽ được trả 20% còn lại khi báo cáo quyết toán năm được Tập đoàn CNCsvn thoả thuận, phê duyệt.

Thù lao của thành viên Ban kiểm soát (không chuyên trách) được chi trả vào cuối năm khi được báo cáo quyết toán năm được Tập đoàn CNCsvn thoả thuận, phê duyệt.

g) HĐQT đã phân bổ, quyết toán quỹ tiền thưởng của HĐQT, Ban Điều hành, Ban kiểm soát năm 2017 là 2.457.470.000.

III. Các hoạt động khác của Hội đồng quản trị năm 2017

1. Đánh giá hoạt động quản lý điều hành năm 2017

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2021 gồm:

STT	Tên thành viên	Chức vụ	Tư cách thành viên	Ghi chú
01	Ông Huỳnh Hữu Minh	Chủ tịch	Thành viên điều hành	Miễn nhiệm từ ngày 17/11/2017
	Ông Trương Minh Trung	Chủ tịch	Thành viên điều hành	Bổ nhiệm từ ngày 17/11/2017
02	Ông Trương Văn Cư	Thành viên	Thành viên điều hành	
03	Bà Lê Thị Bích Lợi	Thành viên	Thành viên điều hành	
04	Ông Đoàn Kim Chung	Thành viên	Thành viên điều hành	
05	Ông Đỗ Thành Nghiệp	Thành viên	Thành viên không điều hành	

Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị và thư ký HĐQT đều có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.

HĐQT đã tổ chức 2 phiên họp ĐHCĐ (1 thường niên năm 2017, 1 bất thường); 4 phiên họp thường kỳ để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với sự mở rộng tham dự họp của Ban Kiểm soát, chủ tịch Công đoàn, Ban Điều hành và Trưởng phòng nghiệp vụ của Công ty.

Ngoài các phiên họp định kỳ (hàng quý), HĐQT cũng đã tổ chức 9 phiên họp đột xuất và 21 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phát sinh giữa 2 phiên họp.

Các nghị quyết trong năm đã thông qua:

STT	Số NQ	Thời gian	Nội dung chính
01	02/NQ-ĐHĐCĐ	28/4/2017	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
02	04/NQ-ĐHĐCĐ	17/11/2017	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017, miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT.
03	04/NQ-HĐQTCSTB	20/01/2017	Thông nhất thông qua các chỉ tiêu chính thực hiện quý IV/ năm 2016
04	09/NQ-HĐQTCSTB	03/02/2017	Thông nhất thông qua các chỉ tiêu chính thực hiện quý IV/ năm 2016 (tiếp theo)
05	44/NQ-HĐQTCSTB	24/4/2017	Thông nhất thông qua các chỉ tiêu chính thực hiện 3 tháng đầu năm 2017
06	79/NQ-HĐQTCSTB	30/5/2017	Thông nhất chủ trương ký hợp đồng mua bán nội bộ.
07	98/NQ-HĐQTCSTB	20/7/2017	- Thông nhất thông qua các chỉ tiêu chính thực hiện 6 tháng đầu năm 2017
08	102/NQ-HĐQTCSTB	15/8/2017	- Thông nhất chủ trương ký kết hợp đồng mua bán mù với Công ty CP CS Tân Biên – KampongThom
09	126/NQ-HĐQTCSTB	03/10/2017	- Thông nhất chủ trương tổ chức ĐHCĐ bất thường năm 2018
10	137/NQ-HĐQTCSTB	27/10/2017	Thông nhất thông qua các chỉ tiêu chính thực hiện 9 tháng đầu năm 2017
11	172/NQ-HĐQTCSTB	29/12/2017	Thông nhất điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2017

HĐQT đã quyết định ban hành các quy chế như sau: Bổ sung ngành nghề kinh doanh, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản lý và sử dụng con dấu, Quy chế văn thư, lưu trữ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ, tổ chức và hoạt động Công ty; Quy chế tổ chức Hội nghị người lao động.

Các cuộc họp HĐQT đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các thành viên HĐQT đã cố gắng hoàn thành tốt chức trách của mình, hành động vì lợi ích của cổ đông và của Công ty.

Kết hợp với Ban kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi, quyền hạn của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

2. Công tác giám sát

2.1 Giám sát đối với Ban điều hành

Hàng tháng, HĐQT có tham dự các cuộc họp Giao ban của Ban điều hành, tham gia phát biểu ý kiến chỉ đạo nhằm định hướng, đảm bảo việc thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD mà ĐHCĐ và HĐQT đã đề ra.

Hàng quý, HĐQT Công ty tiến hành họp HĐQT thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD, kiểm tra tiến độ thực hiện do Tổng Giám đốc trình bày; bàn các giải pháp các tình huống phát sinh do Tổng Giám đốc đề xuất kiến nghị và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm cho quý tiếp theo.

Một số chỉ tiêu chính của kế hoạch SXKD năm 2018 như sau:

I. CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG			
1.	Tổng diện tích cao su	ha	6.153,52
	- Diện tích vườn cây cao su khai thác	ha	3.991,91
	+ <i>Diện tích cao su Công ty tự khai thác</i>	ha	3.841,42
	+ <i>Diện tích cao su nhượng quyền khai thác</i>	ha	150,49
	- Diện tích cao su KTCB	ha	1.831,07
	- Diện tích cao su tái canh trong kỳ	ha	330,54
2.	Năng suất	tấn/ha	1,85
3.	Sản lượng cao su khai thác	tấn	7.400
	- <i>Sản lượng Công ty tự khai thác</i>	tấn	7.140
	- <i>Sản lượng nhượng bán quyền khai thác</i>	tấn	260
4.	Sản lượng cao su thu mua	tấn	1.000
5.	Cao su chế biến	tấn	8.140
6.	Sản lượng tiêu thụ trong năm	tấn	10.700
	+ Xuất khẩu & Ủy thác XK	tấn	1.800
	+ Nội tiêu	tấn	8.900
II. CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ			
1.	Giá thành tiêu thụ bình quân	Triệu đồng/tấn	31,89
	<i>Trong đó: Giá thành mù Công ty khai thác</i>	Triệu đồng/tấn	30,00
2.	Giá bán bình quân	Triệu đồng/tấn	36,27
	<i>Trong đó: Giá bán mù Công ty khai thác và thu mua</i>	Triệu đồng/tấn	36,50
3.	Tổng doanh thu. <i>Trong đó:</i>	Triệu đồng	595.098
	- Sản xuất kinh doanh cao su	Triệu đồng	388.050
	- Sản xuất kinh doanh khác	Triệu đồng	416
	- Hoạt động tài chính	Triệu đồng	2.000
	- Hoạt động khác (thanh lý vườn cây,...)	Triệu đồng	204.632
	+ <i>Trong đó: Thanh lý vườn cây cao su</i>	Triệu đồng	200.000
4.	Tổng chi phí	Triệu đồng	344.138
5.	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	250.959
	<i>Trong đó: Lợi nhuận từ hoạt động SXKD cao su</i>	Triệu đồng	46.777
6.	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	200.767
7.	Tỷ suất lợi nhuận		
	- <i>Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu</i>	%	42,17
	- <i>Lợi nhuận trước thuế/VĐL</i>	%	28,54
8.	Tỷ lệ chia cổ tức	% /mệnh giá	10%
III. CHỈ TIÊU ĐẦU TƯ			
1.	Vốn đầu tư XDCB và đầu tư tài chính	Triệu đồng	231.196
a.	Đầu tư XDCB	Triệu đồng	27.141
	- Xây lắp	Triệu đồng	21.024

Hoạt động giám sát thực hiện chủ yếu ở các nội dung: tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, công tác đầu xây dựng cơ bản, nguồn vốn đầu tư tài chính, công tác cán bộ, ban hành các quy định, quy chế, định hướng hoạt động, tổ chức SXKD ngắn hạn, dài hạn,...

Trên cơ sở Nghị quyết, Quyết định, Biên bản họp của HĐQT và văn bản chỉ đạo, Tổng Giám đốc thi hành, điều hành theo đúng phân cấp thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của mình. Khi có những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết đều báo cáo xin ý kiến HĐQT xem xét đề cho chủ trương thực hiện.

Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ thuộc diện Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam quản lý đúng quy trình, thủ tục theo quy định.

2.2 Công tác phối hợp

HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Tất cả thành viên HĐQT chịu trách nhiệm về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ và pháp luật về nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với nhiệm vụ được giao.

HĐQT luôn tuân thủ sự lãnh đạo của tổ chức Đảng và phối hợp với tổ chức Đoàn thể trong Công ty trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình. Đặc biệt là trong công tác quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm cán bộ, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Tất cả các chủ trương của HĐQT đều được sự đồng thuận thống nhất cao trong các tổ chức Đảng, Đoàn thể nên việc thực hiện dễ triển khai, thuận lợi.

HĐQT bảo đảm tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, nguồn vốn, cơ sở vật chất để Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.

HĐQT hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn. Các phiên họp HĐQT đều có sự tham gia của Ban kiểm soát để nắm bắt thông tin và đóng góp ý kiến cho hoạt động của HĐQT.

IV. Đánh giá chung

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và vì sự phát triển của đơn vị, có thể đánh giá rằng HĐQT đã hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ của mình trong việc chỉ đạo, giám sát đối với Ban điều hành và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, cũng như Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Vì vậy, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, nhưng các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được hoàn thành, tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định của Công ty trong những năm tiếp theo.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Năm 2018, dự báo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn gặp nhiều khó khăn, giá mù trên thị trường đang diễn biến khó lường. Trong bối cảnh đó, HĐQT xác định phương hướng hoạt động của Công ty năm 2018 như sau:

- Công ty tập trung mọi nỗ lực để hoàn thành đạt và vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu đã đề ra, tăng cường công tác kiểm tra giám sát, quyết tâm thực hiện thắng lợi khối lượng công việc theo kế hoạch.

	<i>Trong đó: Đầu tư nông nghiệp</i>	<i>Triệu đồng</i>	20.308
	- Thiết bị	Triệu đồng	4.717
	- Chi phí khác	Triệu đồng	80
	- Trả lãi vay ngân hàng	Triệu đồng	1.321
b.	Trả nợ vay tín dụng dài hạn	Triệu đồng	1.599
c.	Đầu tư tài chính dài hạn	Triệu đồng	202.456
	- Công ty CP Cao Su Tân Biên Kampong Thom	Triệu đồng	200.456
	- Mua lại cổ phần (của cán bộ -CNV Công ty) tại Công ty CP cao su Tân Biên Kampong Thom	Triệu đồng	2.000
2.	Nguồn vốn:	Triệu đồng	231.196
a.	Vốn chủ sở hữu:	Triệu đồng	221.313
b.	Vốn vay:	Triệu đồng	9.883

- Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện tốt mô hình Công ty Cổ phần, nâng cao năng suất lao động, tiết giảm giá thành sản xuất, đảm bảo lợi nhuận và chia cổ tức cho cổ đông.

- Công bố thông tin định kỳ đúng quy định.

- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, bảo toàn vốn, đảm bảo tài chính an toàn, hiệu quả, đúng quy định pháp luật.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.

- Quan tâm nâng cao uy tín, chất lượng sản phẩm, phát triển thương hiệu TBRC.

- Tìm kiếm thị trường tìm năng mới, đẩy mạnh tỉ trọng cơ cấu hàng hoá xuất khẩu, sản xuất hàng hoá theo nhu cầu thị trường.

- Tăng cường công tác thu mua, gia công để bù đắp sản lượng giảm, đảm bảo công suất nhà máy hoạt động hiệu quả và thu nhập ổn định cho người lao động.

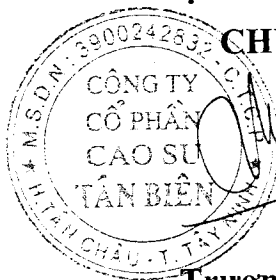
- Tiếp tục đầu tư và hỗ trợ Công ty CP Cao su Tân Biên-KampongThom ổn định nguồn vốn và tiêu thụ cao su thành phẩm.

Trên đây là Báo cáo về quản lý hoạt động của HĐQT Công ty năm 2017 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2018 xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty kính chúc Quý cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Trương Minh Trung

BÁO CÁO

Hoạt động kiểm tra, giám sát năm 2017 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2018 của Ban Kiểm soát

Công ty Cổ phần cao su Tân Biên triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2017, trong bối cảnh Ngành cao su nói chung và Công ty nói riêng tiếp tục đối diện với nhiều khó khăn: do giá bán mủ cao su chưa được thuận lợi vẫn còn ở mức thấp, giá bán sụt giảm mạnh vào những tháng cuối năm làm ảnh hưởng đến tiêu thụ sản phẩm và giảm doanh thu. Ngoài ra, sự biến đổi khí hậu bất thường trong năm, sự biến động về lao động làm công việc khai thác mủ và nạn trộm cắp mủ mặc dù có giảm nhưng vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi ... cũng là những yếu tố làm ảnh hưởng đến sản lượng cao su khai thác.

Do đã nhận định, dự báo trước tình hình khó khăn của năm 2017, nên ngay từ đầu năm, Công ty đã chủ động đề ra các định hướng, giải pháp phù hợp trong điều hành, quản lý nhằm đảm bảo sản xuất kinh doanh có lợi nhuận, duy trì việc làm và thu nhập cho người lao động và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước. Cụ thể là: tiết giảm những chi phí không cần thiết để giảm giá thành; tái cơ cấu lao động kết hợp với điều chỉnh chế độ khai thác mủ phù hợp; khuyến khích công nhân, những hộ gia đình nhận chăm sóc vườn cây KTCB được trồng xen canh cây ngắn ngày trên diện tích nhận khoán để có thêm thu nhập, tiết giảm được suất đầu tư; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và cơ giới hóa vào sản xuất; thanh lý những vườn cây già cỗi, năng suất thấp để tái canh giống mới có nhiều ưu điểm hơn ...

Tuy gặp không ít khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ của năm 2017, nhưng Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Lãnh đạo Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam; sự hỗ trợ tích cực của các cấp ủy Đảng, sự giúp đỡ nhiệt tình của chính quyền địa phương các cấp.

Công tác quản lý thay đổi đã củng cố niềm tin nơi người lao động mong muốn gắn bó lâu dài với Công ty góp phần trong việc hoàn thành khá tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 đã đề ra.

I. Thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát năm 2017:

1. Công tác tổ chức và bộ máy:

Ban Kiểm soát được Đại hội đồng Cổ đông lần đầu ngày 21/4/2016 bầu ra gồm có 03 người. Trong đó, có 01 Trưởng Ban làm việc theo chế độ chuyên trách, 02 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Đến kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/4/2017 có 01 thành viên kiêm nhiệm xin từ nhiệm và đã bầu bổ sung. Trưởng Ban Kiểm soát tham gia Tổ chuyên gia xét thầu là Tổ viên; 01 thành viên Ban Kiểm soát tham gia Tổ kiểm tra nội bộ là Tổ viên. Ban Kiểm soát, gồm:

- Ông: Nguyễn Văn Sang Trưởng Ban.
- Ông: Hoàng Quốc Hưng Thành viên.
- Ông: Trần Nguyễn Duy Sinh Thành viên.

2. Các hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban điều hành theo kế hoạch và Nghị quyết của Công ty; xem xét các báo cáo về công tác quản lý, điều hành; báo cáo về thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý, 6 tháng, năm và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017 của Công ty.

- Tham gia đầy đủ các kỳ họp của Hội đồng quản trị, họp giao ban Công ty để có thêm thông tin, cập nhật mới các văn bản chỉ đạo của Tập đoàn nhằm hoàn thiện công tác quản trị trong doanh nghiệp, phòng ngừa rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Tham gia xét thầu mua sắm các loại vật tư, hóa chất, phân bón và thiết bị; tham dự các kỳ bán đấu giá thanh lý tài sản, cây cao su. Kiểm tra, giám sát sử dụng tài sản tại các đơn vị trực thuộc (Nông trường, Xí nghiệp, Trung tâm ý tế).

- Kiến nghị các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư trong các kỳ họp của Ban điều hành và Hội đồng quản trị.

- Báo cáo Ban Kiểm soát nội bộ của Tập đoàn định kỳ 6 tháng và năm theo quy định.

3. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên đề ra, các chỉ tiêu phần lớn đều đạt và vượt kế hoạch. Hội đồng quản trị đã kịp thời sửa đổi bổ sung Điều lệ, các quy chế, các văn bản quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật. Tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, 6 tháng, năm theo quy định; Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành theo trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp với căn cứ pháp lý.

4. Giám sát hoạt động của Ban quản lý điều hành:

Ban Tổng giám đốc chỉ đạo triển khai, thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao; công tác quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc có nhiều nỗ lực, đáp ứng kịp thời theo yêu cầu công việc, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của Đại hội đồng Cổ đông thường niên đề ra. Trong đó, hoàn thành kế hoạch sản lượng năm 2017 trước thời hạn 12 ngày.

4.1. Về thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty:

Theo báo cáo tài chính riêng năm 2017 đã được kiểm toán ngày 27/02/2018 bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC; Ban Kiểm soát Công ty căn cứ vào Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Thuyết minh báo cáo tài chính và các tài liệu, số liệu kế toán khác theo yêu cầu của Ban Kiểm soát để làm căn cứ thẩm định. Trên cơ sở kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các sổ kế toán chi tiết và các Thuyết minh trên báo cáo tài chính, cho thấy các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính được xác định hợp lý và phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam; kết quả một số chỉ tiêu chính như sau:

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Tỷ lệ % so với kế hoạch
1	Tổng tài sản	Tr. đồng		1.284.166	
	Tài sản ngắn hạn	Tr. đồng		443.943	
	Tài sản dài hạn	Tr. đồng		840.223	
2	Tổng nguồn vốn	Tr. đồng		1.284.166	
	Nợ phải trả	Tr. đồng		131.826	
	Vốn chủ sở hữu	Tr. đồng		1.152.340	
3	Tổng doanh thu	Tr. đồng	555.005	623.574	112,35
4	Tổng chi phí	Tr. đồng	325.865	348.109	106,83
5	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	229.140	275.465	120,22
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	184.512	235.010	127,37
7	Sản lượng cao su khai thác (quy khô)	Tấn	7.775	8.249	106,10
8	Sản lượng cao su thu mua (quy khô)	Tấn	1.000	1.544	154,40
9	Sản lượng chế biến (quy khô)	Tấn	10.019	10.916	108,95
10	Sản lượng cao su tiêu thụ	Tấn	9.800	10.266	104,76
11	Giá thành tiêu thụ bình quân	Tr. đồng	32,64	33,30	102,02
12	Giá bán bình quân	Tr. đồng	38,24	39,99	104,58
13	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Tổng doanh thu	%	41,29	41,18	99,73
14	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Vốn điều lệ	%	26,05	31,32	120,23

* Các chỉ số đánh giá an toàn và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh:

Các chỉ số đánh giá hiệu quả	Mức đạt năm 2017
Hệ số thanh toán nhanh	2,96 lần
Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn	4,30 lần
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng doanh thu	37,69%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	20,39%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	18,3%
Hệ số bảo toàn vốn	1,31 lần

Qua các chỉ tiêu đánh giá trên cho thấy Công ty Cổ phần cao su Tân Biên có hệ số thanh toán các khoản nợ đến hạn cao, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu và vốn cao so với

mặt bằng chung của ngành cao su và quan trọng hơn hết là đảm bảo tăng trưởng vốn của Chủ sở hữu, của cổ đông góp vốn.

4.2. Phân phối lợi nhuận:

Năm 2017, Công ty đã tiến hành trích lập các Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi, và chia cổ tức năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, như sau:

- Trích Quỹ Đầu tư phát triển: 31,037 tỷ đồng.
- Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi: 30,241 tỷ đồng.
- Trích thưởng Ban quản lý điều hành: 0,158 tỷ đồng.
- Chia cổ tức năm 2016 bằng 4% mệnh giá: 35,178 tỷ đồng.

Chưa tiến hành phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2017.

4.3. Thực hiện đầu tư vốn:

Tình hình nhu cầu vốn đầu tư XDCB: thực hiện là 103,3 tỷ đồng, đạt 60,74% (kế hoạch 170,054 tỷ đồng). Trong đó:

- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản: 23,159 tỷ đồng, đạt 70,38% (kế hoạch 32,902 tỷ đồng).
- Trả nợ vay ngân hàng: 0,818 tỷ đồng, đạt 51,18% (kế hoạch 1,598 tỷ đồng).
- Góp vốn vào Công ty Cổ phần cao su Tân Biên - Kampong Thom: 79,323 tỷ đồng, đạt 59,4% kế hoạch.

-> Chuyển tiếp các công trình đầu tư XDCB năm 2017 sang năm 2018 để thực hiện.

* Đơn vị đã vay thêm trong năm 2017 để phục vụ cho hoạt động hoàn vốn đầu tư năm 2016 là: 4.181.691.526 đồng.

4.4. Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:

Hiện, Công ty đầu tư, góp vốn vào 06 Công ty bên ngoài chiếm tỷ trọng 88,32% trên vốn điều lệ. Tổng vốn đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là 776,809 tỷ đồng, trong đó: đầu tư vào 01 Công ty con là 688,824 tỷ đồng chiếm 88,67%; đầu tư vào 01 Công ty Liên kết là 10,8 tỷ đồng chiếm 1,39%; đầu tư dài hạn khác vào 04 Công ty là 77,185 tỷ đồng chiếm 9,94%.

4.5. Về tiền lương:

Với việc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017, Công ty được trích quỹ tiền lương là 162,938 tỷ đồng, tiền lương bình quân 8.387.000 đồng/người/tháng.

Công ty đã phân phối quỹ tiền lương một cách hợp lý, phù hợp với quy chế của Công ty.

4.6. Kiểm soát công nợ:

Quá trình kiểm soát chúng tôi nhận thấy rằng: Công ty đã thực hiện tốt việc quản lý công nợ đối với khách hàng, thường xuyên kiểm tra, theo dõi chặt chẽ, đơn đốc thu hồi công nợ kịp thời. Đối với khoản công nợ khó đòi của Công ty TNHH Nguyễn Đức, Công

BÁO CÁO
Kết quả hoạt động SXKD năm 2017
và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch SXKD 2018

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cao su Tân Biên;
Ban Tổng Giám đốc trình trước Đại hội cổ đông báo cáo về hoạt động của Công ty CP cao su Tân Biên trong năm 2017 và kế hoạch SXKD năm 2018 như sau:

I. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

1. Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh

1.1. Công tác sản xuất

Kết quả thực hiện năm 2017, sản lượng cao su khai thác đạt 8.249 tấn mù quy khô, đạt 106 % kế hoạch (vượt 449 tấn), năng suất bình quân cả năm 2017 đạt 1,91 tấn/ha. Ngoài ra, Công ty tổ chức thu mua mù từ vườn cây bên ngoài trên địa bàn đạt 1.554 tấn, vượt 554 tấn so với kế hoạch đề ra.

Sản phẩm cao su chế biến: 10.916 tấn mù thành phẩm, đạt 108,95 % kế hoạch.
Trong đó:

- Chế biến từ mù Công ty khai thác: 8.122 tấn.
- Chế biến từ mù thu mua: 1.544 tấn.
- Gia công chế biến: 1.250 tấn

1.2. Công tác kinh doanh

Trong tình hình giá giảm, việc tiêu thụ gặp nhiều khó khăn đặc biệt là các hợp đồng dài hạn. Tuy nhiên công ty đã tích cực đàm phán, tìm kiếm khách hàng trong và ngoài nước (trong đó ưu tiên cho khách hàng dài hạn), duy trì mối quan hệ tốt với các khách hàng truyền thống để tìm đầu ra cho sản phẩm. Thực hiện tốt việc giao hàng theo đúng hợp đồng và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho khách hàng.

Sản lượng tiêu thụ của Công ty năm 2017 đạt 10.266 tấn cao su các loại; đạt 104,8 % kế hoạch. Giá bán bình quân đạt 39,99 triệu đồng.

Tổng doanh thu đạt 623,574 tỷ đồng đạt 112,4% kế hoạch, trong đó doanh thu từ hoạt động kinh doanh cao su đạt 410,507 tỷ đồng.

Lợi nhuận trước thuế: 275,465 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế: 235,01 tỷ đồng, đạt 127,37 % kế hoạch đề ra.

Công ty đã hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước với số tiền 65,144 tỷ đồng.

1.3. Công tác tái canh cao su và chăm sóc vườn cây KTCB

a) Công tác tái canh:

Diện tích thực hiện tái canh năm 2017: 516,21 ha, đạt tỷ lệ 100% so với kế hoạch.

Công tác quản lý giống: Công ty đã xây dựng kế hoạch sử dụng giống cụ thể cho từng nông trường, từng lô và tuân thủ cơ cấu giống Tập đoàn quy định, tỷ lệ các giống mới được đưa vào cân đối (chủ yếu là các giống RRIV 1, RRIV 5, RRIV 106, RRIV 107, RRIV 115, RRIV 124, RRIV 209, PB 255).

Do Công ty tổ chức tốt các khâu chuẩn bị cho công tác tái canh năm 2017 và tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật nên nhìn chung vườn cây tái canh và KTCB sinh trưởng và phát triển tốt, tỷ lệ sống cao.

b) Chăm sóc vườn cây kiến thiết cơ bản:

Công ty đã thực hiện và chăm sóc vườn cây tái canh năm 2013, 2014, 2015, 2016 với tổng diện tích là 1.314,86 ha. Vườn cây được chăm sóc tốt, bón phân đầy đủ và đúng quy trình kỹ thuật.

Đánh giá phân hạng vườn cây: Diện tích vườn cây đạt loại A là 927,77 ha chiếm tỉ lệ 70,56%, loại B là 366,32 ha chiếm tỉ lệ 27,86%, vườn cây đạt loại C là 20,77ha chiếm tỉ lệ 1,57%.

c) Quản lý suất đầu tư:

Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn về tiết giảm suất đầu tư, năm 2017 Công ty xây dựng suất đầu tư bình quân 56 triệu đồng/ha. Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp kỹ thuật về quản lý suất đầu tư tương ứng với từng năm trồng và phương thức chăm sóc phù hợp, đúng quy trình quy định. Bên cạnh đó, Công ty đã cho các hộ dân, công nhân nhận khoán (trồng, chăm sóc vườn cây KTCB) được trồng xen canh cây hàng năm và tự nguyện chăm sóc vườn cây cho Công ty, kết quả trong năm tiết giảm được 4.813 công, bình quân 3,66 công/ha, tương đương 512.000 đồng/ha.

1.4. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và đầu tư tài chính

a. Thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản luôn được Công ty đặc biệt quan tâm nhất là các công trình trọng điểm phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Do tiết giảm đầu tư nên Công ty chỉ thực hiện một số công trình thực sự cần thiết như: Xây dựng 01 Bể gạn mù tại đội 2 sản xuất Nông trường cao su Tân Hiệp; đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị như: Mua sắm 02 trục cán 510, máy bơm phòng cháy chữa cháy cho Xí nghiệp cơ khí chế biến và 01 xe quản lý (loại 16 chỗ, hiệu Toyota Hiace); Trạm điện 15 kVA tại NT Tân Hiệp; tủ sấy lão hóa cho phòng QLCL. Giá trị thực hiện: 2,227 tỷ đồng. Thực hiện đúng quy định về Luật đấu thầu và quy chế mua sắm hàng hoá của Công ty.

b. Công tác đầu tư tài chính

Công ty đã góp đầu tư vào Công ty CP Cao su Tân Biên - Kampong Thom với tổng số tiền 79,323 tỷ đồng, đạt 59,4% kế hoạch năm (133,535 tỷ đồng). Về thực hiện góp vốn đầu tư tại Công ty CP Cao su Tân Biên - Kampong Thom không đạt kế hoạch do Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Kampong Thom còn vướng các thủ tục huy động vốn theo quy định.

Tổng vốn chủ sở hữu của Dự án đến 31/12/2017: 1.279 tỷ đồng, trong đó vốn góp từ Công ty là 688,824 tỷ đồng (tương đương 53,84%), số vốn còn lại do Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam góp 45,96% và các cổ đông là cá nhân, tương đương 0,2%.

1.5. Công tác lao động, tiền lương

a. Lao động

- Lao động đầu kỳ: 1.854 người.
- Tăng trong kỳ: 338 người.
- Giảm trong kỳ: 567 người.
- Lao động cuối kỳ: 1.625 người.
- Lao động bình quân trong năm: 1.641 người.

b. Tiền lương

- Tổng quỹ lương thực hiện của người lao động: 162,937 tỷ đồng
- Tiền lương bình quân : 8,274 triệu đồng/người/tháng.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017:

- Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu cơ bản:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017		
			Kế hoạch	Thực hiện	% thực hiện so với kế hoạch
1.	Sản lượng cao su khai thác	tấn	7.800	8.249	105,76%
2.	Sản lượng cao su thu mua	tấn	1000	1.554	155,40%
3.	Sản lượng cao su chế biến	tấn	10.019	10.916	108,95%
4.	Sản lượng tiêu thụ trong năm	tấn	9.800	10.266	104,76%
5.	Giá bán bình quân	Tr. đồng/tấn	38,24	39,99	104,58%
6.	Tổng doanh thu	Tr. đồng	555.005	623.574	112,35%
7.	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	229.139	275.465	120,22%
8.	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	184.511	235.010	127,37%
9.	Tỷ suất lợi nhuận				
	- Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	41,29%	44,18%	107,00%
	- Lợi nhuận trước thuế/VĐL	%	26,05%	31,32%	120,22%

3. Đánh giá chung

Qua các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh, cho thấy Công ty đã thực hiện hoàn thành và vượt mức kế hoạch năm 2017 đề ra. Đạt được kết quả trên là nhờ:

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Tập đoàn CNCS Việt Nam, sự giúp đỡ, ủng hộ của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương các cấp.
- Giữ vững và phát huy tinh thần đoàn kết, nhất trí trong nội bộ.
- Không ngừng cải tiến quy trình làm việc, tiết giảm chi phí, cải tiến chất lượng, dịch vụ sản phẩm, giữ vững uy tín đối với khách hàng.
- Phát huy được tính sáng tạo và tinh thần trách nhiệm ở mỗi cá nhân, đơn vị.

Việc thực hiện thắng lợi kế hoạch năm 2017 vừa qua sẽ là động lực, tạo nền tảng cho Công ty hoạt động ổn định và hiệu quả hơn trong những năm tiếp theo.

II. Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

Phát huy những thành tích đã đạt được trong năm 2017, để ổn định sản xuất, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, Công ty CP cao su Tân Biên phấn đấu hoàn thành những mục tiêu và nhiệm vụ như sau:

(Handwritten mark)

- Tổ chức chăm sóc và khai thác 3.991,91 ha vườn cây cao su kinh doanh, phần đầu đạt sản lượng 7.400 tấn, năng suất bình quân đạt 1,85 tấn/ha.

- Tổ chức tốt thu mua mủ cao su bên ngoài trên địa bàn, phần đầu đạt và vượt mức 1.000 tấn

- Chăm sóc đúng quy trình kỹ thuật vườn cây KTCB với diện tích 1.831,07 ha và thực hiện tái canh vườn cây năm 2018 với diện tích 330,54 ha, phần đầu tỷ lệ sống 100%.

- Phần đầu tiền lương bình quân của người lao động đạt 6,677 triệu đồng/người/tháng.

- Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện tốt loại hình Công ty Cổ phần, nâng cao năng suất lao động, tiết giảm giá thành sản xuất, đảm bảo lợi nhuận và chia cổ tức cho người lao động, công bố thông tin định kỳ đúng quy định.

- Tập trung nguồn lực để giúp đỡ Công ty con đang hoạt động tại Campuchia hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 được giao.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2018:

a. Sản xuất kinh doanh:

- Diện tích cao su khai thác: 3.991,91 ha.

- Diện tích cao su thanh lý: 361,17 ha.

- Diện tích cao su KTCB: 1.831,07 ha.

- Sản lượng mủ khai thác: 7.400 tấn.

- Năng suất bình quân: 1,85 tấn/ha.

- Sản lượng mủ thu mua: 1.000 tấn

- Sản lượng mủ chế biến: 8.140 tấn.

- Sản lượng tiêu thụ: 10.700 tấn. Trong đó: Xuất khẩu & Ủy thác XK: 1.800 tấn;
Nội tiêu: 8.900 tấn

- Giá thành tiêu thụ bình quân: 31,89 triệu đồng/tấn. Trong đó: Giá thành tiêu thụ mủ Công ty tự khai thác 30 triệu đồng/tấn

- Giá bán bình quân: 36,27 triệu đồng/tấn.

- Tổng doanh thu: 595,098 tỷ đồng. Trong đó: Doanh thu từ hoạt động SXKD cao su: 388,05 tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 250,959 tỷ đồng. Trong đó: Lợi nhuận từ hoạt động SXKD cao su: 46,777 tỷ đồng.

- Chia cổ tức: 10% trên mệnh giá.

- Tiền lương bình quân: 6,677 triệu đồng/người/tháng.

b. Thanh lý, tái canh, chăm sóc:

- Thanh lý: 361,17 ha; tái canh 330,54 ha.

- Chăm sóc vườn cây KTCB: 1.831,07 ha.

c. Tổng nhu cầu vốn đầu tư XDCB và đầu tư tài chính: 231,196 tỷ đồng

a) Vốn đầu tư XDCB: 27,141 tỷ đồng

- Xây lắp: 21,024 tỷ đồng

Trong đó: Đầu tư nông nghiệp: 20,308 tỷ đồng

- Thiết bị: 4,717 tỷ đồng

- Trả lãi vay tín dụng: 1,321 tỷ đồng

- Chi phí khác: 0,080 tỷ đồng

b) Trả nợ gốc vay ngân hàng: 1,599 tỷ đồng

c) Đầu tư tài chính: 202,456 tỷ đồng

Trong đó:

+ Công ty CP cao su Tân Biên Kampong Thom: 200,456 tỷ đồng

+ Mua lại cổ phần của cán bộ - CNV Công ty tại Công ty CP cao su Tân Biên Kampong Thom: 2 tỷ đồng.

3. Các giải pháp thực hiện

Để hoàn thành các chỉ tiêu nêu trên Công ty cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

1. Công ty sẽ tiếp tục xây dựng, rà soát sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định cho phù hợp loại hình hoạt động Công ty cổ phần theo đúng quy định nhà nước.

2. Thực hiện các Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, giữ vững sự đoàn kết thống nhất giữa các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể, tập thể người quản lý và người lao động tạo nên sức mạnh tổng hợp làm cơ sở để lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và thực hiện nhiệm vụ SXKD đạt kết quả tốt.

3. Xây dựng giải pháp tiết kiệm chi phí sản xuất, chi phí quản lý nhằm hạ giá thành sản xuất ở mức thấp nhất có thể, chống lãng phí, thực hành tiết kiệm, bảo đảm lợi nhuận trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Tăng cường công tác quản lý suất đầu tư, xây dựng những mô hình tái canh phù hợp cho từng đơn vị kết hợp trồng xen canh nhằm giảm suất đầu tư, chăm sóc tốt vườn cây đúng quy chuẩn Tập đoàn.

5. Tăng cường công tác quản lý, khai thác vườn cây cao su đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật. Đảm bảo chất lượng nguyên liệu từ vườn cây đến nhà máy. Chú trọng công tác đào tạo tay nghề cho người lao động.

6. Tổ chức thu mua mủ cao su tiêu điền trên địa bàn để tận dụng hết công suất của Nhà máy, tạo việc làm cho người lao động, đảm bảo kinh doanh có lãi, tăng doanh thu, tăng thu nhập cho người lao động.

7. Tăng cường công tác tiếp thị, quảng bá sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ mới, giữ gìn mối quan hệ với khách hàng truyền thống, đảm bảo việc khai thác, chế biến đến đâu bán hàng hết đến đó, không để tồn kho nhiều.

8. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương làm tốt công tác phòng chống mất cắp mủ, bảo vệ tài sản, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên các địa bàn Công ty trú đóng.

9. Áp dụng hệ thống quản lý phòng thí nghiệm ISO/IEC17025:2005; hệ thống quản lý chất lượng và môi trường theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015.

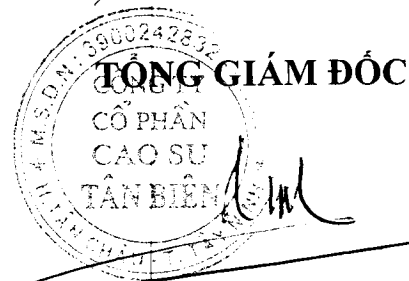
10. Thực hiện tốt công tác lao động, tiền lương, các chế độ chính sách đối với người lao động.

Trên đây là báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017 và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2018 của Công ty CP cao su Tân Biên.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- ĐHCĐ năm 2018;
- HĐQT Cty;
- Lưu: VT.



Trương Văn Cư

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		443.943.405.322	330.954.950.684
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	225.532.495.010	140.846.345.536
111	1. Tiền		137.014.711.436	110.452.494.491
112	2. Các khoản tương đương tiền		88.517.783.574	30.393.851.045
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	14.000.000.000	11.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		14.000.000.000	11.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		55.133.325.956	100.597.735.157
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	8.534.380.394	481.363.674
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	37.634.176.824	47.403.509.118
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	9.882.432.932	53.630.526.559
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(917.664.194)	(917.664.194)
140	IV. Hàng tồn kho	09	138.258.831.876	60.382.985.478
141	1. Hàng tồn kho		140.702.169.742	60.382.985.478
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.443.337.866)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.018.752.480	18.127.884.513
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	170.008.005	1.261.306.969
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	10.848.744.475	16.866.577.544
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		840.222.622.159	754.527.018.322
220	II. Tài sản cố định		65.357.894.723	78.978.426.973
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	65.357.894.723	78.978.426.973
222	- Nguyên giá		324.661.234.667	334.030.696.525
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(259.303.339.944)	(255.052.269.552)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	-
228	- Nguyên giá		345.068.540	345.068.540
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(345.068.540)	(345.068.540)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		68.540.104.361	47.612.627.943
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	68.540.104.361	47.612.627.943
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	699.835.347.563	623.055.308.895
251	1. Đầu tư vào công ty con		638.403.472.655	559.080.472.655
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		16.091.369.631	16.091.369.631
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		45.904.576.742	45.904.576.742
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(564.071.465)	(21.110.133)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	2.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.489.275.512	4.880.654.511
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	6.489.275.512	4.880.654.511
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.284.166.027.481	1.085.481.969.006

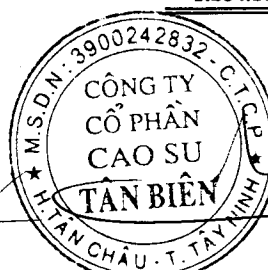
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		131.826.039.383	102.575.446.243
310	I. Nợ ngắn hạn		103.216.022.447	85.381.277.995
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	3.597.272.246	1.796.682.301
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	13.740.656.776	6.521.008.384
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	818.723.835	477.413.284
314	4. Phải trả người lao động		70.938.816.365	60.566.280.587
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	3.156.684.326	1.978.207.468
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	3.605.070.709	6.760.402.206
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	1.468.789.091	1.002.389.091
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		5.890.009.099	6.278.894.674
330	II. Nợ dài hạn		28.610.016.936	17.194.168.248
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	15.399.051.718	12.502.740.192
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		13.210.965.218	4.691.428.056
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.152.339.988.098	982.906.522.763
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	1.152.339.988.098	982.906.522.763
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		879.450.000.000	879.450.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		879.450.000.000	879.450.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		31.036.956.829	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		241.853.031.269	103.456.522.763
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		6.843.004.652	-
421b	LNST chưa phân phối năm nay		235.010.026.617	103.456.522.763
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.284.166.027.481	1.085.481.969.006

M

Champhat



Trần Lý Đệ
Người lập

Lâm Thanh Phú
Kế toán trưởng

Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 27 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2017

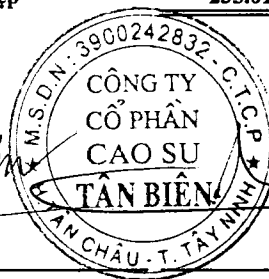
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016	
			Năm 2017 VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	415.189.038.283	258.295.382.970
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		415.189.038.283	258.295.382.970
11	4. Giá vốn hàng bán	23	308.619.734.826	194.935.810.255
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		106.569.303.457	63.359.572.715
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	6.556.985.351	2.666.593.020
22	7. Chi phí tài chính	25	714.953.680	273.836.100
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		124.265.221	60.811.708
25	8. Chi phí bán hàng	26	3.898.687.441	1.943.330.286
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	33.211.047.921	21.803.526.009
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		75.301.599.766	42.005.473.340
31	11. Thu nhập khác	28	201.827.585.650	78.182.913.640
32	12. Chi phí khác	29	1.664.150.509	719.641.311
40	13. Lợi nhuận khác		200.163.435.141	77.463.272.329
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		275.465.034.907	119.468.745.669
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	40.455.008.290	16.012.222.906
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		235.010.026.617	103.456.522.763



Trần Lý Đệ
Người lập



Lâm Thanh Phú
Kế toán trưởng



Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 27 tháng 02 năm 2018



Số: 2503/18.004 /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên được lập ngày 28 tháng 01 năm 2018, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 27 tháng 02 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		493.866.826.156	344.717.647.045
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	251.645.990.184	164.964.958.245
111	1. Tiền		163.128.206.610	134.571.107.200
112	2. Các khoản tương đương tiền		88.517.783.574	30.393.851.045
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	14.000.000.000	11.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		14.000.000.000	11.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		35.029.422.626	60.317.423.136
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	10.836.014.853	3.160.731.878
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	6.155.006.711	10.796.577.325
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	21.196.997.200	49.832.807.776
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.158.596.138)	(3.472.693.843)
140	IV. Hàng tồn kho	09	153.738.611.764	67.169.667.100
141	1. Hàng tồn kho		154.799.263.614	67.169.667.100
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.060.651.850)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		39.452.801.582	41.265.598.564
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	170.008.005	1.261.306.969
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		28.284.001.115	23.008.076.323
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	10.998.792.462	16.996.215.272
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.134.799.507.587	2.040.759.853.025
220	II. Tài sản cố định		747.477.503.556	373.917.449.266
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	745.769.980.746	372.190.712.413
222	- Nguyên giá		1.168.468.044.586	761.914.542.233
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(422.698.063.840)	(389.723.829.820)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	1.707.522.810	1.726.736.853
228	- Nguyên giá		2.691.365.132	2.498.773.052
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(983.842.322)	(772.036.199)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.293.364.408.976	1.580.718.192.437
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	1.293.364.408.976	1.580.718.192.437
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	68.138.648.597	70.587.566.134
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		22.798.143.320	22.704.099.525
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		45.904.576.742	45.904.576.742
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(564.071.465)	(21.110.133)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	2.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		25.818.946.458	15.536.645.188
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	19.374.502.016	9.456.055.693
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	31.a	6.444.444.442	6.080.589.495
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.628.666.333.743	2.385.477.500.070

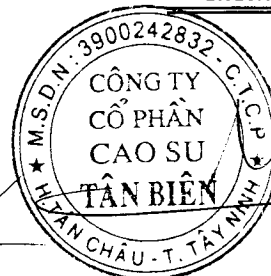
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		802.392.876.979	715.690.173.753
310	I. Nợ ngắn hạn		263.492.769.109	114.595.223.349
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	36.835.083.646	20.021.129.902
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	20.095.256.776	6.521.008.384
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	950.749.504	1.003.751.313
314	4. Phải trả người lao động		89.210.409.287	69.397.845.153
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	15.782.387.133	2.733.282.652
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	5.230.825.143	7.636.922.180
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	89.498.048.521	1.002.389.091
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.890.009.099	6.278.894.674
330	II. Nợ dài hạn		538.900.107.870	601.094.950.404
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	20.444.309.585	20.516.506.156
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	504.968.295.864	575.887.016.192
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.b	276.537.203	-
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		13.210.965.218	4.691.428.056
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.826.273.456.764	1.669.787.326.317
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	1.826.273.456.764	1.669.787.326.317
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		879.450.000.000	879.450.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		879.450.000.000	879.450.000.000
416	2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		49.139.022.270	49.139.022.270
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		73.969.951.216	81.000.365.488
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		31.664.538.231	-
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		178.629.163.334	39.016.418.643
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i>		(54.821.902.500)	(65.247.188.543)
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		233.451.065.834	104.263.607.186
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		613.420.781.713	621.181.519.916
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.628.666.333.743	2.385.477.500.070

[Signature]

[Signature]



Trần Lý Đệ
Người lập

Lâm Thanh Phú
Kế toán trưởng

Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 28 tháng 03 năm 2018

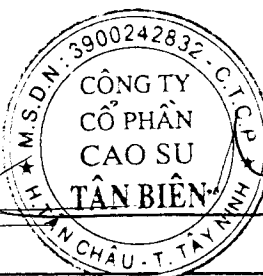
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/05/2016 đến ngày 31/12/2016	
			Năm 2017 VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	428.190.269.998	262.792.342.378
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		428.190.269.998	262.792.342.378
11	4. Giá vốn hàng bán	23	288.018.574.618	193.458.378.817
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		140.171.695.380	69.333.963.561
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	16.303.372.572	13.477.867.761
22	7. Chi phí tài chính	25	20.399.284.998	7.710.181.987
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		12.989.580.096	1.977.790.508
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(533.537.607)	1.320.280.263
25	9. Chi phí bán hàng	26	10.203.344.896	3.228.071.726
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	49.158.686.555	30.410.602.675
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		76.180.213.896	42.783.255.197
31	12. Thu nhập khác	28	202.278.384.059	78.251.755.842
32	13. Chi phí khác	29	3.015.725.502	721.723.948
40	14. Lợi nhuận khác		199.262.658.557	77.530.031.894
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		275.442.872.453	120.313.287.091
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	41.037.799.126	16.263.145.213
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	31.c	(87.317.744)	(98.678.941)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>234.492.391.071</u>	<u>104.148.820.819</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		233.451.065.834	104.263.607.186
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		1.041.325.237	(114.786.367)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	2.655	1.186

[Signature]

[Signature]



Trần Lý Đệ
Người lập

Lâm Thanh Phú
Kế toán trưởng

Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 28 tháng 03 năm 2018



Số: 2903/18.002 /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên được lập ngày 25 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Tổ 2, ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Trưởng Ban Tổng Giám đốc

Trương Văn Cư
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 28 tháng 03 năm 2018

1A
7 TI
M
3C
HO

CÔNG TY CỔ PHẦN CS TÂN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *104*...../TTr-HĐQTCSTB

Tây Ninh, ngày *31* tháng *5* năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc Thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất kiểm toán năm 2017

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/4/2016;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty CP Cao su Tân Biên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua.

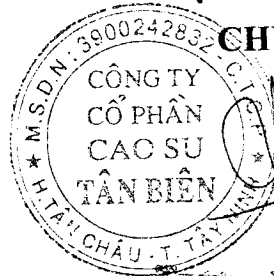
Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- ĐHĐT 2018;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Trương Minh Trung

Số: 97 /TTr-HĐQTCSTB

Tây Ninh, ngày 31 tháng 5 năm 2018

TỜ TRÌNH

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty CPCS Tân Biên

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH1/3 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/4/2016;

Căn cứ nhu cầu và tình hình sản xuất kinh doanh tại đơn vị,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội cổ đông Công ty CP cao su Tân Biên kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 với nội dung như sau:

I. CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG			
1.	Tổng diện tích cao su	ha	6.153,52
	- Diện tích vườn cây cao su khai thác	ha	3.991,91
	+ Diện tích cao su Công ty tự khai thác	ha	3.841,42
	+ Diện tích cao su nhượng quyền khai thác	ha	150,49
	- Diện tích cao su KTCB	ha	1.831,07
	- Diện tích cao su tái canh trong kỳ	ha	330,54
2.	Năng suất	tấn/ha	1,85
3.	Sản lượng cao su khai thác	tấn	7.400
	- Sản lượng Công ty tự khai thác	tấn	7.140
	- Sản lượng nhượng bán quyền khai thác	tấn	260
4.	Sản lượng cao su thu mua	tấn	1.000
5.	Cao su chế biến	tấn	8.140
6.	Sản lượng tiêu thụ trong năm	tấn	10.700
	+ Xuất khẩu & Ủy thác XK	tấn	1.800
	+ Nội tiêu	tấn	8.900
II. CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ			
1.	Giá thành tiêu thụ bình quân	Triệu đồng/tấn	31,89
	<i>Trong đó: Giá thành mù Công ty khai thác</i>	<i>Triệu đồng/tấn</i>	<i>30,00</i>
2.	Giá bán bình quân	Triệu đồng/tấn	36,27
	<i>Trong đó: Giá bán mù Công ty khai thác và thu mua</i>	<i>Triệu đồng/tấn</i>	<i>36,50</i>
3.	Tổng doanh thu. Trong đó:	Triệu đồng	595.098
	- Sản xuất kinh doanh cao su	Triệu đồng	388.050
	- Sản xuất kinh doanh khác	Triệu đồng	416
	- Hoạt động tài chính	Triệu đồng	2.000
	- Hoạt động khác (thanh lý vườn cây,...)	Triệu đồng	204.632
	+ Trong đó: Thanh lý vườn cây cao su	Triệu đồng	200.000

4.	Tổng chi phí	Triệu đồng	344.138
5.	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	250.959
	<i>Trong đó: Lợi nhuận từ hoạt động SXKD cao su</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>46.777</i>
6.	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	200.767
7.	Tỷ suất lợi nhuận		
	- Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	42,17
	- Lợi nhuận trước thuế/VĐL	%	28,54
8.	Tỷ lệ chia cổ tức	% /mệnh giá	10%
III. CHỈ TIÊU ĐẦU TƯ			
1.	Vốn đầu tư XDCB và đầu tư tài chính	Triệu đồng	231.196
a.	Đầu tư XDCB	Triệu đồng	27.141
	- Xây lắp	Triệu đồng	21.024
	<i>Trong đó: Đầu tư nông nghiệp</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>20.308</i>
	- Thiết bị	Triệu đồng	4.717
	- Chi phí khác	Triệu đồng	80
	- Trả lãi vay ngân hàng	Triệu đồng	1.321
b.	Trả nợ vay tín dụng dài hạn	Triệu đồng	1.599
c.	Đầu tư tài chính dài hạn	Triệu đồng	202.456
	- Công ty CP Cao Su Tân Biên Kampong Thom	Triệu đồng	200.456
	- Mua lại cổ phần (của cán bộ -CNV Công ty) tại Công ty CP cao su Tân Biên Kampong Thom	Triệu đồng	2.000
2.	Nguồn vốn:	Triệu đồng	231.196
a.	Vốn chủ sở hữu:	Triệu đồng	221.313
b.	Vốn vay:	Triệu đồng	9.883

Mục Đầu tư tài chính dài hạn: Mua lại cổ phần (của CB-CNV Công ty) tại Công ty CP cao su Tân Biên Kampong Thom: dự kiến 2.000 triệu đồng. Giá trị đầu tư thực tế, Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty CPCS Tân Biên phê duyệt phương án mua lại cổ phần sau khi được Tập đoàn CN cao su Việt Nam thỏa thuận.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Kế hoạch sản xuất năm 2018 (nếu có điều chỉnh) sau khi được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thỏa thuận.

Trên đây là kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty CP Cao su Tân Biên. Kính trình Đại hội cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua ./.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- ĐHCĐ Cty CPCS Tân Biên năm 2018;
- Lưu: VT-HĐQT.



TỜ TRÌNH

Về việc Phân phối lợi nhuận năm 2017

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/4/2016;
Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2017 của Công ty CP Cao su Tân Biên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua phương án Phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017	235.010.026.617
2	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	53.588.000.000
3	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (3 tháng lương)	40.120.091.742
	Trong đó:	
	+ Trích quỹ khen thưởng (3.3*80%):	32.096.073.394
	+ Trích quỹ phúc lợi (3.3*20%):	8.024.018.348
4	Trích quỹ khen thưởng VCQL:	307.183.750
5	Chia Cổ tức (7%/Vốn điều lệ)	61.561.500.000
	Cộng lợi nhuận phân phối	155.576.775.492
6	Lợi nhuận năm 2017 còn lại chưa phân phối:	79.433.251.125

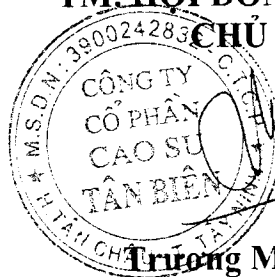
Trên đây là Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2017 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐTN 2018;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trương Minh Trung

Số: 98 TT - HĐQTCSTB

Tây Ninh, ngày 3 tháng 5 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v thông qua lương của Chủ tịch HĐQT, thù lao của Thành viên HĐQT, lương của Trưởng BKS, thù lao của BKS; thưởng HĐQT, Ban TGD, BKS năm 2017 và kế hoạch tiền lương năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cao su Tân Biên

Căn cứ Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên đã được Đại hội đồng cổ đông lần đầu năm 2016 thông qua ngày 21/04/2016.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua lương của Chủ tịch HĐQT, thù lao của Thành viên HĐQT, lương của Trưởng BKS, thù lao của BKS; thưởng HĐQT, Ban TGD, BKS năm 2017 và kế hoạch năm 2018 như sau:

1. Năm 2017:

a. Tiền lương, thù lao và tiền thưởng:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Hệ số lương	Quỹ lương thực hiện năm 2017	Tiền lương thực chi 12 tháng năm 2017	Tiền lương còn lại	Tiền thưởng bằng 1,5 tháng lương	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4=2-3	5=2/12*1,5	5
I	Quỹ lương của người quản lý chuyên trách			26,22	2.363.904.000	2.177.783.400	186.120.600	295.488.000
1	Huỳnh Hữu Minh	CTHĐQT- Bí thư Đảng ủy Cty	5,16	443.232.000	408.612.200	34.619.800	55.404.000	10,5 tháng CTHĐQT; 1,5 tháng Bí thư Đảng ủy Cty
2	Trương Văn Cư	TV HĐQT-TGD	4,50	426.816.000	393.079.700	33.736.300	53.352.000	
3	Lê Thị Bích Lợi	TV HĐQT- Phó TGD	4,21	377.568.000	347.810.800	29.757.200	47.196.000	
4	Đoàn Kim Chung	TV HĐQT- Phó TGD	4,21	377.568.000	347.999.000	29.569.000	47.196.000	
5	Nguyễn Văn Sang	Trưởng Ban KS	4,21	393.984.000	362.770.200	31.213.800	49.248.000	
6	Lâm Thanh Phú	Kế toán trưởng	3,93	344.736.000	317.511.500	27.224.500	43.092.000	
II	Quỹ thù lao của NQL không chuyên trách (bằng 10% tiền lương của NQL chuyên trách)			93.566.000	74.853.000	18.713.000		
1	Trương Minh Trung	CTHĐQT		5.336.000	4.269.000	1.067.000		Công tác 1,5 tháng
2	Đỗ Thành Nghiệp	TV HĐQT		9.438.000	7.550.000	1.888.000		Công tác 3 tháng

3	Phạm Ngọc Tiến	KSV	13.132.000	10.506.000	2.626.000	Công tác 4 tháng
4	Hoàng Quốc Hưng	KSV	39.396.000	31.517.000	7.879.000	
5	Trần Nguyễn Duy Sinh	KSV	26.264.000	21.011.000	5.253.000	Công tác 8 tháng
Tổng cộng			2.457.470.000	2.252.636.400	204.833.600	

b. Cách thức chi trả:

- Tiền lương và thù lao: hàng tháng Công ty tạm chi trả 80% quỹ tiền lương kế hoạch, cuối năm tài chính khi có xác nhận quỹ tiền lương thực hiện năm 2017 của Tập đoàn CN Cao su Việt Nam Công ty tính toán lại trình Đại hội đồng cổ đông.

- Tiền thưởng: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định mức thưởng cho người quản lý (tính đến thời điểm hiện tại Công ty chưa nhận được xếp loại doanh nghiệp của Tập đoàn CN Cao su Việt Nam năm 2017, dự kiến năm 2017 Công ty xếp loại A, được trích tiền thưởng bằng 1,5 tháng tiền lương). Khi có xếp loại danh nghiệp chính thức, HĐQT căn cứ theo loại của doanh nghiệp để xác định mức trích thưởng theo quy định.

2. Năm 2018:

a. Tiền lương, thù lao và tiền thưởng:

đơn vị tính: đồng

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Quỹ tiền lương KH (bằng mức 95,55% tiền lương cơ bản)	Số tháng công tác	Tổng	Tiền thưởng bằng 1,5 tháng tiền lương
A	B	C	1	2	3=1*2	4=1*1,5 tháng
I	Quỹ lương của người quản lý chuyên trách		111.796.000	60	1.341.552.000	167.695.000
1	Trương Văn Cư	TV HĐQT- TGD	24.844.000	12	298.128.000	37.266.000
2	Lê Thị Bích Lợi	TV HĐQT- Phó TGD	21.977.000	12	263.724.000	32.966.000
3	Đoàn Kim Chung	TV HĐQT- Phó TGD	21.977.000	12	263.724.000	32.966.000
4	Nguyễn Văn Sang	Trưởng Ban KS	22.932.000	12	275.184.000	34.398.000
5	Lâm Thanh Phú	Kế toán trưởng	20.066.000	12	240.792.000	30.099.000
II	Quỹ thù lao của NQL không chuyên trách (bằng 20% tiền lương của NQL chuyên trách)		18.536.000	48	222.432.000	
1	Trương Minh Trung	CTHĐQT	4.969.000	12	59.628.000	
2	Đỗ Thành Nghiệp	TV HĐQT	4.395.000	12	52.740.000	
3	Hoàng Quốc Hưng	KSV	4.586.000	12	55.032.000	
4	Trần Nguyễn Duy Sinh	KSV	4.586.000	12	55.032.000	
Tổng cộng			130.332.000		1.563.984.000	167.695.000

b. Cách thức chi trả:

- Tiền lương và thù lao: hàng tháng Công ty tạm chi trả 80% quỹ tiền lương kế hoạch, cuối năm tài chính khi có xác nhận quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 của Tập đoàn CN Cao su Việt Nam Công ty tính toán lại trình Đại hội đồng cổ đông.

- Tiền thưởng khi có xếp loại doanh nghiệp của Tập đoàn CN Cao su Việt Nam năm 2018, trên cơ sở đó Công ty xác định mức tiền thưởng trình Đại hội đồng cổ đông. Dự kiến năm 2018 Công ty xếp loại A, được trích tiền thưởng bằng 1,5 tháng tiền lương.

3. Kế hoạch tiền lương năm 2018

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Kế hoạch tiền lương năm 2018 sau khi được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thỏa thuận.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 xem xét, thảo luận thông qua.

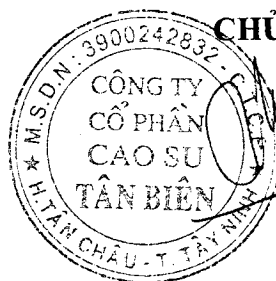
Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông RTB;
- HĐQT, BKS, BTGD, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Trương Minh Trung

(Tài liệu ĐHCĐ 2018).

Số: 526/TTr-CSTB

Tây Ninh, ngày 29 tháng 5 năm 2018

TỜ TRÌNH
Về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần cao su Tân Biên Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán như sau:

1. Đề xuất lựa chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán (AASC) có đủ năng lực và kinh nghiệm để soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

2. Ủy quyền cho Tổng giám đốc Công ty thực hiện các thủ tục để ký Hợp đồng kiểm toán với Công ty kiểm toán được lựa chọn theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Văn Sang



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU TÂN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 102 /TTr-HĐQTCSTB

Tây Ninh, ngày 31 tháng 5 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế Nội bộ về quản trị công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH1/3 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 21/4/2016;

Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội cổ đông Công ty CP cao su Tân Biên thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty cho phù hợp với quy định của Thông tư 95/2017/TT-BTC (đính kèm bảng chi tiết sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty), đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty CP Cao su Tân Biên ra quyết định ban hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét, thảo luận và thông qua ./.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- ĐHCĐ TN 2018 Cty CPCS Tân Biên;
- Lưu: VT, HĐQT.



Trương Minh Trung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO



TRC

**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty cổ phần Cao su Tân Biên)

Tây Ninh, ngày ... tháng ... năm ...

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	23
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	26
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	26
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	28
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty.....	29
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	30
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	30
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp.....	30
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	30
IX. BAN KIỂM SOÁT	32
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	32
Điều 37. Kiểm soát viên	32
Điều 38. Ban kiểm soát	33
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	33
Điều 39. Trách nhiệm căn trọng	33
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	34
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	35
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	35
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	35
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	36
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn.....	36
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	36
Điều 44. Phân phối lợi nhuận	36
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	37
Điều 45. Tài khoản ngân hàng.....	37
Điều 46. Năm tài chính.....	37
Điều 47. Chế độ kế toán	37
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	38
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	38
Điều 49. Báo cáo thường niên	38

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	7
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	10
Điều 12. Quyền của cổ đông	10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền.....	13
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	14
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	21
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	38
Điều 50. Kiểm toán	38
XVII. CON DẤU	39
Điều 51. Con dấu.....	39
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	39
Điều 52. Chấm dứt hoạt động.....	39
Điều 53. Gia hạn hoạt động.....	39
Điều 54. Thanh lý.....	39
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	40
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	40
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	40
Điều 56. Điều lệ công ty.....	40
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	40
Điều 57. Ngày hiệu lực.....	40

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 tổ chức vào ngày ... tháng ... năm ...

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, người điều hành doanh nghiệp khác do HĐQT bổ nhiệm;
 - f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - i. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - j. "Công ty cổ phần Cao su Tân Biên" là Công ty mẹ trong tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con được chuyển đổi từ công ty 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.
 - k. "Đơn vị trực thuộc" là các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty bao gồm Văn phòng đại diện, chi nhánh của Công ty do Hội đồng quản trị quyết định thành lập.
 - l. "Công ty con" là công ty thuộc một trong các trường hợp sau:
 - Công ty cổ phần Cao su Tân Biên sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết của công ty đó;
 - Công ty cổ phần Cao su Tân Biên có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty đó;
 - Công ty cổ phần Cao su Tân Biên có quyền quyết định việc sửa đổi bổ sung điều lệ của công ty đó.
 - m. "Công ty liên kết" là các đơn vị mà Công ty nắm giữ cổ phần, vốn góp không chi phối, được tổ chức dưới các hình thức doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - n. "Quyền chi phối" là quyền của Công ty cổ phần Cao su Tân Biên đối với một doanh nghiệp khác, bao gồm ít nhất một trong các quyền sau đây:
 - Quyền của chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp;

- Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối của doanh nghiệp;
 - Quyền trực tiếp hay gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc của doanh nghiệp;
 - Quyền quyết định phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp;
 - Các trường hợp chi phối khác theo thỏa thuận giữa Công ty cổ phần Cao su Tân Biên và doanh nghiệp bị chi phối được ghi vào Điều lệ của doanh nghiệp bị chi phối
- o. “Điều lệ” là bản điều lệ này;
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên.**
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **Tan Bien Rubber Joint Stock Company.**
 - Tên Công ty viết tắt: **TBRC**
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Công ty cổ phần Cao su Tân Biên được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, hoạt động kinh doanh theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật, có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật hiện hành của Việt Nam. Mỗi cổ đông chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn mà cổ đông đó đã góp vào Công ty cổ phần Cao su Tân Biên.
4. Công ty cổ phần Cao su Tân Biên có chức năng trực tiếp sản xuất, kinh doanh và đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết; quản lý, chỉ đạo, chi phối các công ty con, công ty liên kết theo tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ tại các công ty đó theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
5. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
 - Địa chỉ trụ sở chính: **Tổ 2, Ấp Thanh Phú, Xã Tân Hiệp, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh**
 - Điện thoại: **0276 3875 193** Fax: **0276 3875 307**
 - E-mail: **tbrc@tabiruco.vn**
 - Website: **www.tabiruco.vn**

6. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Số lượng người đại diện theo luật của Công ty là một (01) người. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo điều 14 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.
4. Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác thay thế.
5. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất và chế biến các sản phẩm từ mù cưa và các sản phẩm khác.
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là Kinh doanh có lãi; bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu; đảm bảo chia cổ tức cho cổ đông và bảo đảm việc làm, đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 879.450.000.000 đồng (Tám trăm bảy mươi chín tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng chẵn)
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 87.945.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Tất cả cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần này được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ lãi vay ngân hàng vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;

2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;
 - j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
 - k. (Các quyền đối với các loại cổ phần khác)
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:
 - a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 37 Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính

đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
7. (Các nghĩa vụ khác đối với các loại cổ phần khác)

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng soát xét hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

- c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
 - l. Dự án đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
 - m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
 4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - c. Thẻ hoặc Phiếu biểu quyết/bầu cử;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh

nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề

ng nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

- 11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.
- 12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
 - a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ
 - b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của Công ty;
 - f. Tổ chức lại, giải thể công ty.
- 2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.
- 3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử. Nếu số ứng cử viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 2 điều này.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:
 - a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - b. Định hướng phát triển công ty;
 - c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Tổ chức lại, giải thể công ty;
 - h. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - i. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - j. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Phương án bầu cử (nếu có);
 - g. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- h. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- 4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
- 5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
 - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

- 6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số phiếu biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo Điều 21 Điều lệ này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên (nếu có);
 - i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị

quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) được đề cử tối đa 01 ứng viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%)

được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ bảy mươi phần trăm (70%) đến tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; từ chín mươi phần trăm (90%) trở lên được đề cử đủ ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 - Khi Công ty là công ty đại chúng chưa niêm yết: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
 - Khi Công ty là công ty niêm yết: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Có đơn từ chức;
 - c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và quyết định mức lương của họ;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành doanh nghiệp đó;
 - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyên đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
 - p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

- g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
 5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành doanh nghiệp khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - a. Ban kiểm soát;
 - b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành/người quản lý doanh nghiệp khác;
 - c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (trong trường hợp Công ty là công ty niêm yết);
 - d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - e. Các trường hợp khác (nếu có).
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.
11. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
 - e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có

ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

- Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

- Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty khi Công ty trở thành Công ty niêm yết để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp và Điều 36 Điều lệ này.
- Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - Có hiểu biết về pháp luật;
 - Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
- Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - Tham dự các cuộc họp;
 - Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
 - Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
 - Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành doanh nghiệp khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị

- thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
- f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - g. Vào ngày 31 tháng 01 của năm tài chính tiếp theo, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
 5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị có thể chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, ghi chép các biên bản họp;
2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
4. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
5. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
6. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) Kiểm soát viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) Kiểm soát viên từ 60% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 38. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty có từ ba (03) đến năm (05) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 39. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
 - d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
 - f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 40. Trách nhiệm căn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư

cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

- c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cẩn và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cẩn vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cẩn vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông,

các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không

nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được

phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 52. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 53. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cao su Tân Biên nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
 - b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
 - c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO



TRC

**QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Công ty cổ phần Cao su Tân Biên)

Tây Ninh, ngày ... tháng ... năm ...



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU TÂN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

DỰ THẢO

**QUY CHẾ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên.



MỤC LỤC

CHƯƠNG 1–QUY ĐỊNH CHUNG-----	5
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh-----	5
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt -----	5
CHƯƠNG 2 – QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG -----	5
I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG--	5
Mục 1. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông-----	5
Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông -----	5
Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông-----	6
Điều 5. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông-----	8
Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông -----	8
Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông -----	10
Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông -----	11
Điều 9. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông-----	13
Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội -----	14
Điều 11. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết -----	16
Điều 12. Cách thức bỏ phiếu bầu cử-----	16
Điều 13. Cách thức kiểm phiếu-----	17
Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu -----	17
Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông-----	18
Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông -----	18
Điều 17. Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông -----	19
Mục 3. Quy định về một số báo cáo bắt buộc phải trình Đại hội đồng cổ đông thường niên-----	20
Điều 18. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên -----	20
Điều 19. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên -----	20
Điều 20. Báo cáo tình hình quản trị công ty-----	21
II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN -----	21
Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản-----	21
Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản-----	22
Điều 23. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản-----	22
CHƯƠNG 3 – HĐQT VÀ CUỘC HỌP HĐQT -----	25
Mục 1. Quy định chung-----	25
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT-----	25
Điều 25. Quyền và trách nhiệm của Thành viên HĐQT -----	25



Điều 26. Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT -----	26
Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT -----	26
Điều 27. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT -----	26
Điều 28. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty -----	27
Điều 29. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu TV HĐQT -----	28
Điều 30. Cách thức bầu thành viên HĐQT -----	28
Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT -----	29
Điều 32. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT -----	29
Điều 33. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT -----	29
Mục 3 – Quy định về cuộc họp HĐQT -----	30
Điều 34. Cuộc họp HĐQT -----	30
Điều 35. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT -----	31
CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT -----	34
Mục 1. Quy định chung -----	34
Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát -----	34
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên -----	35
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát -----	35
Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm Kiểm soát viên -----	35
Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên -----	35
Điều 40. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty -----	36
Điều 41. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên -----	36
Điều 42. Cách thức bầu Kiểm soát viên -----	36
Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên -----	37
Điều 44. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên -----	37
Điều 45. Cách thức giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát -----	37
Mục 3 – Quy định về cuộc họp Ban kiểm soát -----	38
Điều 46. Cuộc họp Ban kiểm soát -----	38
CHƯƠNG 5 - NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP -----	38
Điều 47. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp -----	38
Điều 48. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp -----	39
Điều 49. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp -----	40
Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp -----	40
Điều 51. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp -----	40
CHƯƠNG 6 – QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC -----	40



Điều 52. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc-----	40
Điều 53. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Ban kiểm soát-----	40
Điều 54. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Tổng Giám đốc-----	40
Điều 55. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT-----	41
Điều 56. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao-----	42
Điều 57. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc-----	42
Điều 58. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS-----	42
Điều 59. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên-----	43
CHƯƠNG 7 – QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC-----	46
Điều 60. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác-----	46
Điều 61. Khen thưởng-----	46
Điều 62. Kỷ luật-----	47
CHƯƠNG 8. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY KHI CÔNG TY TRỞ THÀNH CÔNG TY NIÊM YẾT-----	47
Điều 63. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty-----	47
Điều 64. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty-----	47
Điều 65. và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty-----	48
Điều 66. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty-----	48
Điều 67. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty-----	48
CHƯƠNG 09 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY-----	49
Điều 68. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty-----	49
CHƯƠNG 10 - NGÀY HIỆU LỰC-----	49
Điều 69. Ngày hiệu lực-----	49



CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính, quy định về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
2. Thành viên HĐQT không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên được quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;
3. Công ty: là Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên;
4. HĐQT: là Hội đồng quản trị;
5. Ứng cử: là tự đề cử;
6. BKS: là Ban kiểm soát;
7. VSD: là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;
8. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền);
9. Người phụ trách quản trị công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

CHƯƠNG 2 – QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG

Mục 1. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 14 Điều lệ công ty)

1. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên:* Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:*
 - a. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT, Kiểm soát viên còn



lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty;

- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 142 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 20 Điều lệ công ty)

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:

- a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
- c. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
- d. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.
- e. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.
- f. Đoàn Chủ tọa gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 02 Thành viên.



g. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

h. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Thư ký đại hội:

a. Chủ tọa chỉ định một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;
- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết;
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

a. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 05 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 04 thành viên, do HĐQT thành lập và do Đoàn Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.



- Trường Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 5. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 19 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Quy chế THQ 197/QĐ-VSD 29/09/2017)

1. HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Nghị quyết HĐQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông với VSD:
 - a. Công ty phải gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ đến VSD chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, trong đó phải nêu rõ các thông tin cơ bản sau:
 - i. Thông tin về ngày đăng ký cuối cùng: Ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc do VSD trên cơ sở ủy quyền của Công ty ấn định để xác định danh sách người sở hữu chứng khoán được hưởng quyền phù hợp với thông báo của Công ty, VSD và quy định của pháp luật.



ii. Hồ sơ thông báo thực hiện quyền:

Công ty gửi cho VSD hồ sơ thông báo thực hiện quyền, bao gồm:

- Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng (Mẫu 07/Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017).
- Các tài liệu kèm theo như sau:
 - Tài liệu chứng minh đã công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - Các tài liệu liên quan đến nội dung họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến bằng văn bản (bản cứng và file dữ liệu) (nếu có).
 - Nghị quyết của HĐQT thông qua việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do HĐQT triệu tập*).
 - Văn bản của Ban Kiểm soát thông báo cho VSD về việc thay thế HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường kèm theo các tài liệu chứng minh HĐQT không thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do Ban Kiểm soát triệu tập*);
 - Biên bản họp của Ban Kiểm soát về việc thống nhất thay thế HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do Ban Kiểm soát triệu tập*).
 - Văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền thông báo cho VSD về việc thay thế HĐQT, Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường kèm theo các tài liệu chứng minh HĐQT, Ban Kiểm soát không thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập theo quy định của Luật Doanh nghiệp*);
 - Tài liệu chứng minh cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập theo quy định của Luật Doanh nghiệp*).

i. Tài liệu liên quan khác (nếu có).

- b. Trong vòng một (01) ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD chuyển Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký được phân bổ quyền bỏ phiếu (Mẫu 08/THQ Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017) dưới dạng chứng từ điện tử cho Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.
- c. Trong vòng hai (02) ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD gửi Công ty Danh sách tổng hợp phân bổ quyền bỏ phiếu cho người sở hữu chứng khoán (Mẫu 09/THQ Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-



VSD ngày 29/09/2017) (File dữ liệu: Danh sách trên sẽ được VSD gửi vào địa chỉ email mà Công ty đã đăng ký với VSD).

- d. Trường hợp Công ty không chấp thuận thông tin trong Danh sách tổng hợp phân bổ quyền bỏ phiếu cho người sở hữu chứng khoán, trong vòng tám (08) ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, Công ty phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSD nêu rõ lý do.
- e. Trường hợp Công ty uỷ quyền VSD trong việc gửi thư mời hoặc làm đại lý thực hiện việc bỏ phiếu điện tử hoặc các công việc khác liên quan đến việc tổ chức đại hội cổ đông, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản,... việc tổ chức triển khai được thực hiện theo quy định tại thỏa thuận ký kết giữa VSD và Công ty.

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 18 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:



- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
 - c. Thẻ hoặc Phiếu biểu quyết, bầu cử;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều 18 Điều lệ công ty nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 16 Điều lệ công ty; Khoản 1, 2, 3 Điều 20 Điều lệ công ty)

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.
 - b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:
 - Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;



- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).
- Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của Pháp luật;
- Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội

- a. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
- b. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
 - Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
- c. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty);
- d. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại



diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

- e. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 16 Điều lệ công ty, phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây
- Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
 - Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông:
- a. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;
- b. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu của cổ đông đó;
- c. Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/ bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/ bầu cử trước đó không thay đổi.

Điều 9. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 162 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 15 Điều lệ công ty)

1. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông:
- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của HĐQT;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
 - e. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà



- HDQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - g. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HDQT và Ban kiểm soát;
 - i. Tổng số tiền thù lao của các thành viên HDQT và Báo cáo tiền thù lao của HDQT;
 - j. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - k. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - n. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HDQT, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
 - o. Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - p. Quyết định Công ty mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - q. Công ty ký kết hợp đồng giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - r. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc; Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.



- b. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử

a. Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. **Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.**

➤ **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

b. Phiếu bầu cử

- **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.

➤ **Phiếu bầu cử không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
- Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
- Gạch tên các ứng cử viên;
- Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;
- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên trúng cử;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;
- Không có chữ ký của đại biểu tham dự.
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty quy định.



Điều 11. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết đề Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

- a. Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết: Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
- b. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

(Căn cứ quy định tại Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;



- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
 - Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);
 - Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp phiếu cũ;
 - Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:
 - + Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử;
 - + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;
 - + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.
- Lưu ý:** Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.
- Nguyên tắc trúng cử:
 - + Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
 - + Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
 - + Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 11 Quy chế này.

Điều 13. Cách thức kiểm phiếu

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu phiếu bầu cử/thẻ/phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ/phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)



Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 23 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên (nếu có);
 - i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.



2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 17. Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 21, Khoản 3 Điều 23 Điều lệ công ty)

1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể công ty.
2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.
3. Việc bầu thành viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT



hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 2 Điều này.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Mục 3. Quy định về một số báo cáo bắt buộc phải trình Đại hội đồng cổ đông thường niên

Điều 18. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

(Căn cứ quy định tại Điều 9 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- b. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;
- c. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT (nếu có);
- d. Hoạt động của tiểu ban Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT trong trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp;
- e. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc HĐQT (nếu có);
- f. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc;
- g. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
- h. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 19. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

(Căn cứ quy định tại Điều 10 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;



- b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
- c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
- d. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;
- e. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

Điều 20. Báo cáo tình hình quản trị công ty

(Căn cứ quy định tại Điều 30 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Báo cáo tình hình quản trị công ty tuân thủ các nội dung theo phụ lục 05 Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015.
2. Khi Công ty trở thành Công ty niêm yết, Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
3. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và tại Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 22 Điều lệ công ty)

Các nội dung sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
- b. Định hướng phát triển công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
- e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể công ty;
- h. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- i. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- j. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.



Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản

HDQT không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong những trường hợp có yếu tố sau:

- a. Gia hạn hoạt động theo Khoản 2 điều 54 Điều lệ Công ty;
- b.

Điều 23. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Điều 22, Điều 24 Điều lệ công ty)

1. HDQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HDQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết. Nghị quyết HDQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
2. HDQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HDQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ công ty.
3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến
 - a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số đăng ký doanh nghiệp;
 - + Mục đích lấy ý kiến;
 - + Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;
 - + Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - + Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - + Phương án bầu cử (nếu có);
 - + Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HDQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 - b. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.



c. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- + Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- + Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu:

HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu đã tham gia biểu quyết/bầu cử trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu:

- a. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo Điều 21 Điều lệ công ty và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.



6. Lưu tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản
 - a. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - i. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 148 Luật Doanh Nghiệp.
 - ii. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.
 - b. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.



CHƯƠNG 3 – HĐQT VÀ CUỘC HỌP HĐQT

Mục 1. Quy định chung

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 26 Điều lệ công ty)

1. Số lượng thành viên HĐQT là 05 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:
 - i. Khi Công ty là Công ty chưa niêm yết: Tổng số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn.
 - ii. Khi Công ty là Công ty niêm yết: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
3. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:
 - i. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
 - ii. Có đơn từ chức;
 - iii. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - iv. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - v. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - vi. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 25. Quyền và trách nhiệm của Thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 14 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.



2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời và đầy đủ HĐQT các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty;
 - d. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên HĐQT có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 26. Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 15 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;
3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;
4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
5. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18 Quy chế này;
6. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và tại Báo cáo thường niên của công ty.

Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT

Điều 27. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Điều 12 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:



- a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.
 - c. Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác.
2. Thành viên độc lập HĐQT (khi công ty trở thành công ty niêm yết) phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.
3. Số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT thực hiện theo Điều 24 Quy chế này.
4. Thành viên HĐQT của 01 công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác.

Điều 28. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

(Căn cứ quy định tại Khoản 2,3 Điều 25 Điều lệ công ty)

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) được đề cử tối đa 01 ứng viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ bảy mươi phần trăm (70%) đến tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; từ chín mươi phần trăm (90%) trở trên được đề cử đủ ứng viên.



- Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Khoản 4 Điều 33 Quy chế này. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều 33 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng.

Điều 29. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu TV HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Khoản 1 Điều 25 Điều lệ công ty)

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ học vấn;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

Điều 30. Cách thức bầu thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Khoản 3 Điều 21 Điều lệ công ty)

- Việc bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối



cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

(Căn cứ Điều 156 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức;
 - c. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 32. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 33. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

1. HĐQT hoặc các đối tượng khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 34 Quy chế này triệu tập cuộc họp HĐQT về việc bầu cử thành viên HĐQT để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 28 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên HĐQT và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 3 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử...
3. HĐQT tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:



- + Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này;
- + Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải được đa số Thành viên HĐQT đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
- + Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp.

Mục 3 – Quy định về cuộc họp HĐQT

Điều 34. Cuộc họp HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 152 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 16 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Quy định chung về cuộc họp HĐQT

- a. HĐQT phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ công ty và Điều 35 Quy chế này. Việc tổ chức họp HĐQT, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- b. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- c. Hàng năm, HĐQT yêu cầu thành viên độc lập có báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Quy định về cuộc họp đầu tiên

Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

3. Quy định về cuộc họp định kỳ và bất thường

- a. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
- b. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - i. Ban kiểm soát;



- ii. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - iii. Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;
 - iv. Các trường hợp khác (nếu có).
- c. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Điểm b, khoản 3 Điều này. Trường hợp không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập tại Điểm b, Khoản này có quyền triệu tập họp HĐQT.
- d. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

Điều 35. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 7,8 Điều 153; Điều 154 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Thông báo họp HĐQT (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp):
 - a. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
 - b. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.
 - c. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;
 - d. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
 - e. Các hình thức họp khác:

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:



- + Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- + Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

2. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này. Điều kiện tổ chức họp HĐQT:

- a. Các cuộc họp của HĐQT lần thứ nhất được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;
- b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp;
- c. Thành viên HĐQT chỉ được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

3. Cách thức biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại Khoản 2 điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 2 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại Khoản d Khoản 3 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết



định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

- d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và b Khoản 5 Điều 41 Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
 - e. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
 - f. Thành viên HĐQT có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.
4. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT:
- a. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và không tán thành ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.
 - b. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
5. Ghi biên bản họp HĐQT:
- a. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ii. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - iii. Thời gian, địa điểm họp;
 - iv. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - v. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - vi. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;



- vii. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- viii. Các vấn đề đã được thông qua;
- ix. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

- b. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty;
 - c. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng;
 - d. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi nghị quyết, biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.
6. Thông báo nghị quyết HĐQT.

Sau khi ban hành Nghị quyết HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.

CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT

Mục 1. Quy định chung

Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát

(Căn cứ quy định tại 164 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 38 Điều lệ công ty)

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty có từ ba (03) đến năm (05) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông.



Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 21 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.
2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Công ty có thể hướng dẫn quy định về hoạt động và thực thi nhiệm vụ của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 22 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
3. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng Giám đốc và cổ đông;
4. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
5. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.

Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm Kiểm soát viên

Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- + Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- + Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.



2. Trường hợp công ty niêm yết, Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.
3. Trường Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.

Điều 40. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

(Căn cứ quy định tại Điều 37 Điều lệ công ty)

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) Kiểm soát viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) Kiểm soát viên từ 60% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Khoản 4 Điều 45 Quy chế này. Thủ tục Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 45 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng.

Điều 41. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 37 Điều lệ công ty)

Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại Điều 29 Quy chế này.

Điều 42. Cách thức bầu Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Khoản 3 Điều 21 Điều lệ công ty)

1. Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu Kiểm soát viên có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu



quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

Điều 44. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 45. Cách thức giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát về việc bầu cử Kiểm soát viên để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 40 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử Kiểm soát viên và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 4 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử ...
3. Công ty tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp số lượng ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:



- + Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này;
- + Ứng viên do BKS giới thiệu phải được đa số Kiểm soát viên đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
- + Ứng viên do BKS giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp.

Mục 3 – Quy định về cuộc họp Ban kiểm soát

Điều 46. Cuộc họp Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 23 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 39 Điều lệ công ty)

1. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
2. Cuộc họp của Ban kiểm soát được tổ chức tương tự như cuộc họp của Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

CHƯƠNG 5 - NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 47. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Điều 65, 157 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Điều 51, 52, 54 Luật kế toán số 88/2015/QH13, Điều 19 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP)

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty;
 - c. Không được đồng thời làm Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc tại doanh nghiệp khác.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Tổng Giám đốc
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty;



c. ...

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán trưởng

- a. Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán quy định tại điều 52 Luật Kế toán số 88/2015/QH13 và Điều 19, Nghị định 174/2016/NĐ-CP;
- b. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;
- c. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán;
- d. Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên;
- e. Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;
- f. Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai (02) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là ba (03) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ trung cấp, cao đẳng.

Điều 48. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Điều 34 và Khoản 1, 2 Điều 35 Điều lệ công ty)

1. Việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc:

- a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
- b. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác:

- a. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
- b. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.



Điều 49. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 27 và Điều 35 Điều lệ công ty)

Thẩm quyền ký kết và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 27 và Điều 34 Điều lệ công ty. Một thành viên HĐQT được ủy quyền sẽ ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.

HĐQT có thể xem xét đưa vào thêm các điều khoản và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.

Điều 50. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 47 Quy chế này;
2. Có đơn xin nghỉ việc;
3. Các đối tượng không được tham gia quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

Điều 51. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG 6 – QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 52. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Điều 35 Quy chế này.

Điều 53. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Ban kiểm soát

Nghị quyết, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 54. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.



Điều 55. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điểm h Khoản 3 Điều 157 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Điều lệ công ty)

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT
 - a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:
 - + Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;
 - + Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Điều lệ công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - b. Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:
 - + Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty không được thực thi;
 - + Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;
2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:
 - a. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - c. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;
 - d. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - e. Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - f. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;



- g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- h. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

Điều 56. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

(Căn cứ quy định tại Phụ lục 4 Thông tư số 155/2015/TT-BTC, Khoản 3 Điều 35 Điều lệ công ty)

1. Báo cáo về tình hình thực hiện NQ của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
4. Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;
5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;
6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 57. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 58 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng Giám đốc.

Điều 58. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 35, Khoản 3 Điều 41, Điều 44 Điều lệ công ty)

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT
 - a. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
 - b. Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được Tổng Giám đốc trình để HĐQT thông qua;



- c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp;
 - d. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
 - e. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.
 - f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.
3. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS
- a. Tổng Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với BKS nhằm đảm bảo BKS thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty
 - b. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
 - c. HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 59. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

(Căn cứ quy định tại Điều 165, Điều 166 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Khoản 1 Điều 21, Điều 22, Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 39, Điều 41 Điều lệ công ty)

1. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT: BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:
 - a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu cả Tổng Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;



- c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
 - d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần Cao su Tân Biên nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;
 - f. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;
 - g. Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.
2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc: BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.
- a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;
 - b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;



- d. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
 - e. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
 - f. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của BKS phải được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.
- a. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu
 - b. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
 - c. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - d. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
 - e. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
 - f. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần Cao su Tân Biên nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;



- g. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 55 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là mười (10) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi HĐQT.

CHƯƠNG 7 – QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 60. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, GD và người điều hành khác.
2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....
3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.
4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.
5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 61. Khen thưởng

1. HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 65 của Quy chế này.
2. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do HĐQT quy định.
3. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT. Các hình thức khen thưởng sẽ do HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
4. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định..



5. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp khác: nguồn kinh phí thường được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 62. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.
2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.
3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG 8. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY KHI CÔNG TY TRỞ THÀNH CÔNG TY NIÊM YẾT

Điều 63. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

(Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 32 Điều lệ công ty)

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của HĐQT.

Điều 64. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Khoản 1, Khoản 3 Điều 32 Điều lệ công ty)

1. HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ



trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp và Điều 36 Điều lệ Công ty.

2. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

Điều 65. và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 18 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Điều 32 Điều lệ công ty)

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của công ty;
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 66. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

(Căn cứ quy định tại Điều 32 Điều lệ công ty)

1. HĐQT có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
2. Người phụ trách quản trị công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 67. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.



CHƯƠNG 09 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 68. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy định này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

CHƯƠNG 10 - NGÀY HIỆU LỰC

Điều 69. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 10 chương 69 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.
2. Quy định tại Khoản 4 Điều 27 Quy chế này có hiệu lực sau ngày 01/08/2019.
3. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc có chữ ký của ít nhất $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

TM. HĐQT

CHỦ TỊCH

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU TÂN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 104/TT-HĐQTCSTB.

Tây Ninh, ngày 01 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm và bầu cử chức danh thành viên Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-HĐQTCSTB, ngày 05 tháng 5 năm 2016 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cao su Tân Biên;

Căn cứ quy định số 02-QĐ/ĐUTĐ-HĐTVTĐ ngày 07 tháng 10 năm 2016 của Đảng ủy – Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về quản lý người giữ chức danh, chức vụ, người đại diện phần vốn nhà nước trong Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-HĐTVCSVN ngày 08/5/2018 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam về việc cho thôi làm Người Đại diện vốn của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên;

Căn cứ Quyết định số 148/QĐ-HĐTVCSVN ngày 08/5/2018 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam về việc cử Người đại diện vốn của Tập đoàn tham gia Hội đồng quản trị tại Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên nhiệm kỳ 2016-2021;

Xét đơn xin từ nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên của ông Đỗ Thành Nghiệp;

Xét đơn đề cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2021 của Cổ đông là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xét:

- Miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên đối với ông Đỗ Thành Nghiệp.

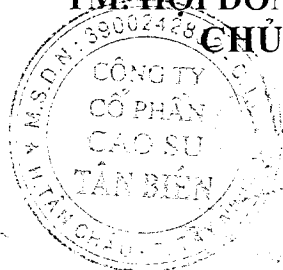
- Bầu cử bổ sung ông Dương Tấn Phong Người đại diện vốn của Tập đoàn tại Công ty tham gia vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty quyết định./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu: VT, TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN**

Kính gửi:

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Họ và tên: **TRƯƠNG MINH TRUNG**

CMND/ĐKKD số: 024088283 Ngày cấp: 17/ 02/ 2003 Nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Nhà số 225/ 23A Nguyễn Đình Chiểu, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện đang sở hữu/đại diện: 38.220.803 cổ phần (*Bằng chữ*: Ba mươi tám triệu hai trăm hai mươi ngàn tám trăm lẻ ba)

Tương ứng với tổng mệnh giá là (*đồng*): 382.208.030.000 đồng, chiếm 43,46 % vốn điều lệ.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên cho tôi được đề cử:

Ông: **DƯƠNG TẤN PHONG**

CMND số: 290370686, Ngày cấp: 24/ 10/ 2005, Nơi cấp: Công an Tây Ninh.

Địa chỉ thường trú: Nhà số 118 Khu phố Hiệp Lễ, Phường Hiệp Ninh, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

Trình độ học vấn: Kỹ sư Nông học, Chuyên ngành: cao su.

Hiện đang sở hữu: 4.397.250 cổ phần (*Bằng chữ*: Bốn triệu ba trăm chín mươi bảy ngàn hai trăm năm mươi mốt) tương ứng với tổng mệnh giá là (*đồng*): 43.972.500.000 đồng, chiếm 5% vốn điều lệ.

Làm ứng cử viên tham gia vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên nhiệm kỳ năm 2016 – 2021 được bầu cử trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018..

Trân trọng cảm ơn!

TP. HỒ CHÍ MINH, ngày ...08... tháng ...5... năm 2018

CÔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)



Trương Minh Trung

Ghi chú:

Đơn đề cử phải được gửi đến Ban tổ chức Đại hội trước ngày 01/06/2018 về: Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên
Địa chỉ: Tổ 2, Ấp Thanh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

20) Sở trường công tác : Quản lý lao động, Quản lý QTKT trồng, chăm sóc và khai thác cao su.

21) Khen Thưởng: Bằng khen của Chính phủ năm 2011. (Huân, huy chương, năm nào)

22) Kỹ Luật (đảng, chính quyền, đoàn thể, cấp quyết định, năm nào, lý do, hình thức): ...

23) Tình trạng sức khoẻ : tốt. Cao: .1,68.m, Cân nặng: .68.kg. Nhóm máu ...O....

(tốt, bình thường, yếu hoặc có bệnh mãn tính)

24) Thương binh:không.Gia đình liệt sĩ: không.

25) Số CMND : 290370686,. Cấp ngày 24/10/2005.

26) Số sổ BHXH :4596015920.

27) ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG VỀ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ, LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ, NGOẠI NGỮ

Tên trường	Ngành học hoặc tên lớp học	Thời gian học	Hình thức học	Văn bằng chứng chỉ, trình độ gì
1/Đại học Nông- .Lâm TP.HCM.	cao su.	..1986-1991	Chính quy	...Bằng kỹ sư...
2/ Trường Chính trị Tây Ninh..	Lý luận chính trị.	2001-2004.	Tại chức.	Bằng Cử nhân..
3/ Trường Cao Đẳng sư phạm Tây Ninh.	Tin học văn phòng	1995	Bồi dưỡng	Chứng chỉ.
4/ Quản lý NN và PTNT II TP. HCM.....	Bồi dưỡng kiến thức QLNN ngạch chuyên viên.....	4/2008- 8/2008..	Bồi dưỡng	Chứng nhận
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Ghi chú: Hình thức học: Chính quy, tại chức, chuyên tu, bồi dưỡng/ Văn bằng: Tiến sĩ, phó tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân, kỹ sư.

28) TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể)
Từ Từ 6/1991 đến 12/1991	- Nhân viên phòng KTNN, công ty cao su Tân Biên
Từ 12/1991 đến	- Trợ lý kỹ thuật Nông trường cao su Suối Ngô, công ty cao su Tân Biên.

Bố	Dương Văn Tây	1928	Quê quán: Châu Thành, Tiền Giang. Trước và sau 30/4/1975 làm vườn ở Tiền Giang; làm thợ hồ ở Hòa Thành, Tây Ninh. Đến năm 1983 bị bệnh chết tại Tây Ninh.
Mẹ	Tạ Thị Tám	1936	Trước và sau 30/4/1975 làm rẫy, làm ruộng ở Hòa Thành, Tây Ninh. Hiện nay, già yếu, ngụ ở KP Hiệp Bình, phường Hiệp Ninh, TP Tây Ninh
Vợ	Lê Thị Kim Tường	1969	Quê quán: Gò Dầu, Tây Ninh. Nghề nghiệp: Giáo viên Trường THCS Võ Văn Kiệt, phường IV, TP Tây Ninh. Hiện ngụ ở 118 KP Hiệp Lễ, phường Hiệp Ninh, TP Tây Ninh.
Con	Dương Tường Vy	1995	Kỹ sư Hóa, trường Đại học Quốc Gia, TP HCM. Hiện ngụ ở 118 KP Hiệp Lễ, phường Hiệp Ninh, TP Tây Ninh.
Anh chị em ruột			
Chị	Dương Kim Phượng	1957	Quê quán: Châu Thành, Tiền Giang Nghề nghiệp: nội trợ. Hiện nay ở KP Hiệp Bình, phường Hiệp Ninh, TP Tây Ninh.
Anh	Dương Tấn Phúc	1962	Quê quán: Châu Thành, Tiền Giang Nghề nghiệp: làm rẫy. Hiện nay ở KP Hiệp Bình, phường Hiệp Ninh, TP Tây Ninh
Em	Dương Tấn Nhã	1971	Quê quán: Châu Thành, Tiền Giang Nghề nghiệp: làm rẫy. Hiện nay ở KP Hiệp Bình, phường Hiệp Ninh, TP Tây Ninh
Em	Dương Tấn Phát	1973	Quê quán: Châu Thành, Tiền Giang Nghề nghiệp: làm rẫy. Đến năm 2011 bị bệnh chết tại KP Hiệp Bình, phường Hiệp Ninh, TP Tây Ninh.
Em	Dương Thị Tố Vân	1976	Quê quán: Châu Thành, Tiền Giang Nghề nghiệp: giáo viên trường Mầm Non Thực Hành TP Tây Ninh. Hiện nay ở KP Hiệp Bình, phường Hiệp Ninh, TP Tây Ninh..

b) Bố mẹ, anh chị em ruột (vợ hoặc chồng)

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, đơn vị công tác học tập, nơi ở (trong, ngoài nước): Thành viên các tổ chức chính trị Xã hội
Bố	Lê văn Tia	1934	Quê quán: Gò Dầu, Tây Ninh. Trước 30/4/1975 làm ruộng ở Gò Dầu, Tây Ninh.; sau đó bị bắt đi lính địa không quân năm 1970, đơn vị Đắc khu Tây Ninh. Sau 1970 trốn về làm ruộng ở Xã Mỏ Công, Tây Ninh. Đến năm 1987 bị bệnh chết tại Hiệp Lễ, Hiệp Ninh, Tây Ninh.
Mẹ	Trần Kim Đình	1937	Quê quán: Thủ Đức, TP HCM. Trước 1975 đến năm 1987, buôn bán ở chợ Hiệp Lễ, Hiệp Ninh, Tây Ninh. Hiện nay, già yếu, ngụ ở KP Hiệp Lễ, phường Hiệp Ninh, TP Tây Ninh.
Anh chị em ruột			
Em	Lê Quyền Tước	1971	Quê quán: Gò Dầu, Tây Ninh Nghề nghiệp: làm rẫy. Hiện nay ở xã Thạnh Tân, TP Tây Ninh.
Em	Lê Công Tài	1972	Quê quán: Gò Dầu, Tây Ninh Nghề nghiệp: lái xe. Hiện nay ở KP Hiệp Bình, phường Hiệp Ninh, TP Tây Ninh.
Em	Lê Kim Tấn	1973	Quê quán: Gò Dầu, Tây Ninh Nghề nghiệp: nội trợ. Hiện nay ở KP Hiệp Lễ, phường Hiệp Ninh, TP Tây Ninh.
Em	Lê Công Tiến	1974	Quê quán: Gò Dầu, Tây Ninh Nghề nghiệp: kiểm tra viên, Viện Kiểm Sát Gò Dầu, Tây Ninh. Hiện nay ở KP Hiệp Lễ, phường Hiệp Ninh, TP Tây Ninh.
Em	Lê Công Tới	1976	Quê quán: Gò Dầu, Tây Ninh Nghề nghiệp: CB Tổ chức phường Hiệp Ninh, TP Tây Ninh. Hiện nay ở KP Hiệp Lễ, phường Hiệp Ninh, TP Tây Ninh.
Em	Lê Công Trường	1978	Quê quán: Gò Dầu, Tây Ninh. Hiện đang công tác tại công ty MOBIFONE chi nhánh Tây Ninh. Hiện nay ở KP Hiệp Lễ, phường Hiệp Ninh, TP Tây Ninh.

31) DIỄN BIẾN QUÁ TRÌNH LƯƠNG CỦA CAN BỘ, CÔNG CHỨC :

Quá trình lương của bản thân:

Tháng/Năm	4/1994	6/1996	1/1998	1/2001	8/2004	1/2008	1/2011	5/2016
Ngạch/Bậc	1/8	2/8	3/8	5/8	6/8	7/8	8/8	2/2 (C5)
Hệ số lương	1,78	2,02	2,50	2,74	3,89	4,20	4,51	3,38

32) NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CANH
BỘ, CÔNG CHỨC :

Đã khai đúng với hồ sơ gốc.....
.....
.....
.....

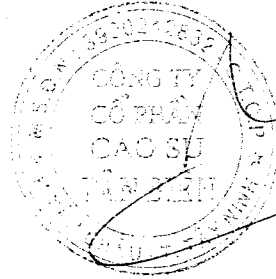
Người khai

Tôi xin cam đoan những
lời khai trên đây là đúng sự thật
(ký tên)

Phê
Dương Văn Phong

Ngày 25 tháng 5 năm 2018...

Xác nhận của cơ quan quản lý



Trương Văn Cơ



**QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ BỔ SUNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NHIỆM KỲ 2016 - 2021**

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại khóa XIII, kỳ họp thứ 8 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cao su Tân Biên.

Ban Kiểm phiếu Đại hội công bố Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị bổ sung nhiệm kỳ 2016-2021 tại Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cao su Tân Biên thường niên năm 2018 như sau:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty : Công ty cổ phần Cao su Tân Biên
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHDCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, đại diện theo ủy quyền
- Kiểm soát viên : Thành viên ban kiểm soát

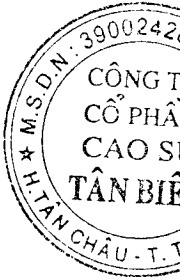
II. Chủ tịch tại Đại hội

Chủ tịch tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử vào Hội đồng quản trị.
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có).

III. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn làm Thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị bổ sung : 01 người
2. Nhiệm kỳ : 2016 - 2021
3. Số lượng ứng viên Thành viên HĐQT tối đa : Không hạn chế
4. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị (Theo Điều 151 của Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13 và Điều 36 Điều lệ Công ty)
 - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
 - Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;



- Đối với Công ty con mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ;
- Thành viên Hội đồng quản trị có các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

IV. Nguyên tắc bầu cử

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Ban kiểm phiếu do chủ tịch đề cử và được đại hội thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào Hội đồng quản trị.

V. Quy định đề cử Thành viên Hội đồng quản trị (Theo Khoản 3, Điều 11 Điều lệ Công ty và Điều 9 Thông tư số 121/2012/TT-BTC)

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% có quyền đề cử và ứng cử người vào Hội đồng quản trị.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên cho đủ với số lượng cần thiết và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

VI. Hồ sơ tham gia đề cử để bầu vào HĐQT

1. Hồ sơ đề cử vào HĐQT

(Mẫu biểu được đăng tải trên website của Công ty theo địa chỉ: www.tabiruco.vn)

- Đơn xin đề cử vào HĐQT *(theo mẫu)*
- Sơ yếu lý lịch ứng viên *(theo mẫu)*
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú *(nếu có)*
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn *(nếu có)*
- Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/ nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện đề cử theo Quy chế này quy định *(theo mẫu)*

Người đề cử vào HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

2. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, các ứng viên vui lòng gửi hồ sơ về trước 14h ngày 13/06/2018

Công ty cổ phần Cao su Tân Biên

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Thạnh Phú - Xã Tân Hiệp - Huyện Tân Châu - Tây Ninh

Điện thoại: 0276 3875 193 - Fax: 0276 3875 307

Liên hệ: Ông Phạm Ngọc Tiên (0983529008)

Nếu trong trường hợp các ứng cử viên được các nhóm cổ đông đề cử ngay tại Đại hội, vui lòng gửi hồ sơ đề cử về cho Thư ký Đại hội trước khi tiến hành bầu cử.

VII. Danh sách ứng cử viên

- Dựa vào Hồ sơ đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên. Thư ký Đại hội sẽ lập Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện qui định để bầu vào HĐQT.
- Danh sách ứng cử viên Thành viên Hội đồng quản trị được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

VIII. Phương thức bầu cử:

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (*Theo Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp*).
- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của HĐQT.
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).

IX. Phiếu bầu cử

1. Nội dung của Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là phiếu có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo Công ty.
- Mỗi đại biểu sẽ được phát phiếu bầu: phiếu bầu Thành viên HĐQT. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.

2. Cách ghi Phiếu bầu cử

Mỗi đại biểu được phát phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- + Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử.
- + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô "Bầu dồn phiếu" của các ứng viên tương ứng.
- + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô "Số phiếu bầu" của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý:

Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô "Bầu dồn phiếu" vừa ghi số lượng ở ô số phiếu bầu thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô "Số phiếu bầu".

3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử

- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.
- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
 - + Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
 - + Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
 - + Gạch tên các ứng cử viên;
 - + Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;



- + Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên trúng cử;
- + Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- + Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;
- + Không có chữ ký của đại biểu tham dự.

4. Bỏ phiếu và Kiểm phiếu

- Trong trường hợp có sự sai sót, cổ đông có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).
- Đại biểu bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu đã được niêm phong do Ban kiểm phiếu giám sát.
- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc đại diện cổ đông.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Đoàn Chủ tịch giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).
- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định.

5. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên (Theo Khoản 3, Điều 144 Luật Doanh nghiệp)

- Người trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số Thành viên Hội đồng quản trị thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

X. Hiệu lực thi hành

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

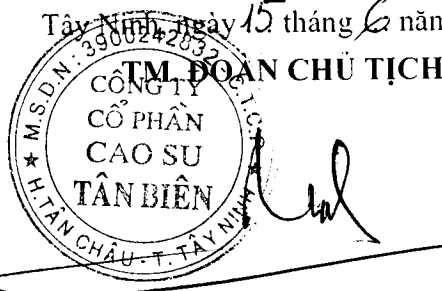
Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Cao su Tân Biên kết thúc.

Trên đây là toàn bộ quy chế ứng cử, đề cử thành viên để bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty nhiệm kỳ 2016 – 2021 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Cao su Tân Biên kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu HĐQT.

Tây Ninh, ngày 15 tháng 6 năm 2018


TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CAO SU
TÂN BIÊN
H. TÂN CHÂU - T. TÂY NINH

Trương Văn Cư

Số : 01 /BB-ĐHĐCĐCSTB

Tây Ninh, ngày 15 tháng 6 năm 2018

BIÊN BẢN

Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Giấy Chứng nhận ĐKDN số 3900242832 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 21/12/2009, thay đổi lần thứ bảy, ngày 29/04/2016.

Thời gian: 8 giờ 00, thứ sáu ngày 15 tháng 6 năm 2018

Địa điểm: tại Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên, Tổ 2, ấp Thạnh Phú - xã Tân Hiệp - huyện Tân Châu – tỉnh Tây Ninh

PHẦN I: GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP

I. Giới thiệu thành phần tham dự Đại hội.

Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên thực hiện nghi thức, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và các thành phần tham dự Đại hội, gồm có:

1. Về phía Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam:

- Ông Trương Minh Trung – Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn CNCSVN, kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cao su Tân Biên

2. Đại diện cổ đông chiến lược:

- Ông Trần Phước Nhơn – Công ty TNHH SX Cao su Liên Anh.

3. Về phía Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên:

- Ông Trương Văn Cư, Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc Công ty.
- Ông Đoàn Kim Chung, Thành viên HĐQT – P. Tổng giám đốc Công ty.
- Bà Lê Thị Bích Lợi, Thành viên HĐQT – P. Tổng giám đốc Công ty.
- Ông Đỗ Thành Nghiệp, Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Sang, Trưởng Ban kiểm soát.
- Cùng các đại biểu là Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phó các phòng nghiệp vụ, Giám đốc và phó giám đốc các đơn vị trực thuộc cùng các cổ đông và đại diện cổ đông của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên.

II. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông:

- Người báo cáo: Ông Nguyễn Văn Sang – Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát.
- Nội dung báo cáo:

- Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ 622 cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt đến hết ngày 14/3/2018, sở hữu 87.945.000 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên .
- Cổ đông tham dự Đại hội: 49 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 87.171.469 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 99,120 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

III. Bầu Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban Kiểm Phiếu.

1. Đoàn Chủ tịch:

Ông Trương Minh Trung	Chủ tịch HĐQT
Ông Trương Văn Cư	TV.HĐQT-TGD
Ông Đoàn Kim Chung	TV.HĐQT-Chủ tịch CĐ Cty.

2. Ban Thư ký:

Ông Bùi Thống Nhứt	Thư ký HĐQT
Ông Huỳnh Duy Hiền	Phó Trưởng phòng KHĐT

3. Ban Kiểm Phiếu:

Ông Phạm Ngọc Tiến	Phó Trưởng phòng TCKT
Bà Nguyễn Trần Thiên Phúc	NV phòng TCKT
Ông Dương Tuấn Anh	Trưởng phòng XNK
Ông Trần Nguyễn Duy Sinh	Kiểm soát viên Cty
Bà Văn Thị Thủy Tiên	NV Phòng KHĐT

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua danh sách danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban Kiểm Phiếu.

IV. Giới thiệu Chương trình Đại hội

Người thực hiện: Ông Đoàn Kim Chung – Chức vụ: Thành viên Đoàn chủ tịch.

Đại hội nhất trí thông qua Chương trình Hội Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

V. Thông qua Quy chế làm việc và Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021

Người báo cáo: Ông Đoàn Kim Chung – Chức vụ: Thành viên Đoàn chủ tịch.

Đại hội nhất trí thông qua Quy chế làm việc Hội Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021.

PHẦN II: NỘI DUNG ĐẠI HỘI

- Báo cáo Hội đồng quản trị - Người trình bày: Ông Trương Minh Trung – Chủ tịch HĐQT;
- Báo cáo Ban kiểm soát - Người trình bày: Ông Nguyễn Văn Sang – Trưởng Ban kiểm soát;
- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2017 - Người trình bày: Ông Trương Văn Cư – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc;
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 - Người trình bày: Ông Trương Văn Cư – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc;
- Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 - Người trình bày: Trương Văn Cư – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc;
- Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018- Người trình bày: Ông Trương Văn Cư – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc;
- Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 - Người trình bày: Ông Trương Văn Cư – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc;
- Tờ trình thông qua tiền lương của Chủ tịch HĐQT, thù lao của Thành viên HĐQT, lương của Trưởng BKS, thù lao của BKS; thưởng HĐQT, Ban TGD, BKS năm 2017 và Kế hoạch tiền lương năm 2018 - Người trình bày: Ông Trương Văn Cư – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc;
- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2018 - Người trình bày: Ông Trương Văn Cư – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc;
- Tờ trình sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên và Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên - Người trình bày: Ông Trương Văn Cư – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc;
- Tờ trình miễn nhiệm và bầu cử bổ sung thành viên HĐQT - Người trình bày: Ông Trương Văn Cư – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc;

PHẦN III. Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG:

Cổ đông nêu các câu hỏi sau:

1. **Ông Dương Tuấn Anh:** Trong quá trình gia nhập quốc tế, việc đa dạng sản phẩm là hết sức quan trọng và cần thiết. Vì vậy, đề nghị Đoàn Chủ tịch và Đại hội xem xét cho thêm vào ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất mủ RSS1 và RSS3.

2. **Ông: Trương Văn Cư - Chức vụ: TGD Công ty giải đáp như sau:**

Thống nhất với đề xuất của ông Dương Tuấn Anh. Công ty xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông cho bổ sung ngành nghề sản xuất RSS1, RSS3 và giao HĐQT lập các thủ tục bổ sung ngành nghề theo quy định.

PHẦN IV. CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đồng cổ đông đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

Nội dung 1: Thông qua bổ sung ngành nghề sản xuất kinh doanh mủ cao su RSS1 và RSS3. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền HĐQT lập các thủ tục bổ sung ngành nghề theo quy định.

Phản biểu quyết:

- Tán thành: **87.171.469** cổ phần, chiếm **100%** số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - Không tán thành: **0** cổ phần, chiếm **0 %** số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: **0** cổ phần, chiếm **0 %** số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 2: Thông qua báo cáo Hội đồng quản trị năm 2017 và Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018.

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 87.168.969 cổ phần, chiếm 99,997 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 3: Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát năm 2017 và Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018:

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 87.168.969 cổ phần, chiếm 99,997 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 4. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán Riêng và Hợp nhất năm 2017.

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 87.160.479 cổ phần, chiếm 99,987 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 8.490 cổ phần, chiếm 0,01 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 5. Thông qua Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

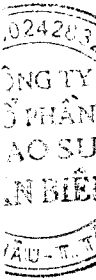
Phản biểu quyết:

- Tán thành: **87.171.469** cổ phần, chiếm **100%** số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: **0** cổ phần, chiếm **0 %** số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: **0** cổ phần, chiếm **0 %** số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 6. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

Kế hoạch SXKD năm 2018 với các chỉ tiêu chính như sau:

I. CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG			
1.	Tổng diện tích cao su	Ha	6.153,52
	- Diện tích vườn cây cao su khai thác	Ha	3.991,91
	+ <i>Diện tích cao su Công ty tự khai thác</i>	Ha	3.841,42
	+ <i>Diện tích cao su nhượng quyền khai thác</i>	Ha	150,49
	- Diện tích cao su KTCB	Ha	1.831,07
	- Diện tích cao su tái canh trong kỳ	Ha	330,54
2.	Năng suất	tấn/ha	1,85
3.	Sản lượng cao su khai thác	tấn	7.400
	- <i>Sản lượng Công ty tự khai thác</i>	tấn	7.140
	- <i>Sản lượng nhượng bán quyền khai thác</i>	tấn	260
4.	Sản lượng cao su thu mua	tấn	1.000
5.	Cao su chế biến	tấn	8.140
6.	Sản lượng tiêu thụ trong năm	tấn	10.700
	+ Xuất khẩu & Ủy thác XK	tấn	1.800
	+ Nội tiêu	tấn	8.900
II. CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ			
1.	Giá thành tiêu thụ bình quân	Triệu đồng/tấn	31,89
	<i>Trong đó: Giá thành mù Công ty khai thác</i>	Triệu đồng/tấn	30,00
2.	Giá bán bình quân	Triệu đồng/tấn	36,27
	<i>Trong đó: Giá bán mù Công ty khai thác và thu mua</i>	Triệu đồng/tấn	36,50
3.	Tổng doanh thu. <i>Trong đó:</i>	Triệu đồng	595.098
	- Sản xuất kinh doanh cao su	Triệu đồng	388.050
	- Sản xuất kinh doanh khác	Triệu đồng	416
	- Hoạt động tài chính	Triệu đồng	2.000
	- Hoạt động khác (thanh lý vườn cây,...)	Triệu đồng	204.632
	+ <i>Trong đó: Thanh lý vườn cây cao su</i>	Triệu đồng	200.000
4.	Tổng chi phí	Triệu đồng	344.138
5.	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	250.959
	<i>Trong đó: Lợi nhuận từ hoạt động SXKD cao su</i>	Triệu đồng	46.777
6.	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	200.767
7.	Tỷ suất lợi nhuận		
	- <i>Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu</i>	%	42,17
	- <i>Lợi nhuận trước thuế/VDL</i>	%	28,54
8.	Tỷ lệ chia cổ tức	% / mệnh giá	10%
III. CHỈ TIÊU ĐẦU TƯ			
1.	Vốn đầu tư XDCB và đầu tư tài chính	Triệu đồng	231.196
a.	Đầu tư XDCB	Triệu đồng	27.141
	- Xây lắp	Triệu đồng	21.024
	<i>Trong đó: Đầu tư nông nghiệp</i>	Triệu đồng	20.308
	- Thiết bị	Triệu đồng	4.717
	- Chi phí khác	Triệu đồng	80
	- Trả lãi vay ngân hàng	Triệu đồng	1.321
b.	Trả nợ vay tín dụng dài hạn	Triệu đồng	1.599



c.	Đầu tư tài chính dài hạn	Triệu đồng	202.456
	- Công ty CP Cao Su Tân Biên Kampong Thom	Triệu đồng	200.456
	- Mua lại cổ phần (của cán bộ -CNV Công ty) tại Công ty CP cao su Tân Biên Kampong Thom	Triệu đồng	2.000
2.	Nguồn vốn:	Triệu đồng	231.196
a.	Vốn chủ sở hữu:	Triệu đồng	221.313
b.	Vốn vay:	Triệu đồng	9.883

Mục Đầu tư tài chính dài hạn: Mua lại cổ phần (của CB-CNV Công ty) tại Công ty CP cao su Tân Biên Kampong Thom: dự kiến 2.000 triệu đồng. Giá trị đầu tư thực tế, Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty CPCS Tân Biên phê duyệt phương án mua lại cổ phần sau khi được Tập đoàn CN cao su Việt Nam thỏa thuận.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Kế hoạch sản xuất năm 2018 (nếu có điều chỉnh) sau khi được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thỏa thuận.

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 87.168.969 cổ phần, chiếm 99,997 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 7. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017

<i>Đơn vị tính: đồng</i>		
STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017	235.010.026.617
2	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	53.588.000.000
3	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (3 tháng lương)	40.120.091.742
	Trong đó:	
	+ Trích quỹ khen thưởng (3.3*80%):	32.096.073.394
	+ Trích quỹ phúc lợi (3.3*20%):	8.024.018.348
4	Trích quỹ khen thưởng VCQL:	307.183.750
5	Chia Cổ tức (7%/Vốn điều lệ)	61.561.500.000
	Cộng lợi nhuận phân phối	155.576.775.492
6	Lợi nhuận năm 2017 còn lại chưa phân phối:	79.433.251.125

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 87.160.479 cổ phần, chiếm 99,987 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 8.490 cổ phần, chiếm 0,01 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 8: Thông qua tiền lương của Chủ tịch HĐQT, thù lao của Thành viên HĐQT, lương của Trưởng BKS, thù lao của BKS; thưởng HĐQT, Ban TGD, BKS năm 2017 và Kế hoạch tiền lương năm 2018.

1. Năm 2017:

a. Tiền lương, thù lao và tiền thưởng:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Hệ số lương	Quỹ lương thực hiện năm 2017	Tiền lương thực chi 12 tháng năm 2017	Tiền lương còn lại	Tiền thưởng bằng 1,5 tháng lương	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4=2-3	5=2/12*1,5	5
I	Quỹ lương của người quản lý chuyên trách			26,22	2.363.904.000	2.177.783.400	186.120.600	295.488.000
1	Huỳnh Hữu Minh	CTHĐQT- Bí thư Đảng ủy Cty	5,16	443.232.000	408.612.200	34.619.800	55.404.000	10,5 tháng CTHĐQT; 1,5 tháng Bí thư Đảng ủy Cty
2	Trương Văn Cư	TV HĐQT-TGD	4,50	426.816.000	393.079.700	33.736.300	53.352.000	
3	Lê Thị Bích Lợi	TV HĐQT- Phó TGD	4,21	377.568.000	347.810.800	29.757.200	47.196.000	
4	Đoàn Kim Chung	TV HĐQT- Phó TGD	4,21	377.568.000	347.999.000	29.569.000	47.196.000	
5	Nguyễn Văn Sang	Trưởng Ban KS	4,21	393.984.000	362.770.200	31.213.800	49.248.000	
6	Lâm Thanh Phú	Kế toán trưởng	3,93	344.736.000	317.511.500	27.224.500	43.092.000	
II	Quỹ thù lao của NQL không chuyên trách (bằng 10% tiền lương của NQL chuyên trách)				93.566.000	74.853.000	18.713.000	
1	Trương Minh Trung	CTHĐQT		5.336.000	4.269.000	1.067.000		Công tác 1,5 tháng
2	Đỗ Thành Nghiệp	TV HĐQT		9.438.000	7.550.000	1.888.000		Công tác 3 tháng
3	Phạm Ngọc Tiến	KSV		13.132.000	10.506.000	2.626.000		Công tác 4 tháng
4	Hoàng Quốc Hưng	KSV		39.396.000	31.517.000	7.879.000		
5	Trần Nguyễn Duy Sinh	KSV		26.264.000	21.011.000	5.253.000		Công tác 8 tháng
	Tổng cộng				2.457.470.000	2.252.636.400	204.833.600	

b. Cách thức chi trả:

- Tiền lương và thù lao: hàng tháng Công ty tạm chi trả 80% quỹ tiền lương kế hoạch, cuối năm tài chính khi có xác nhận quỹ tiền lương thực hiện năm 2017 của Tập đoàn CN Cao su Việt Nam Công ty tính toán lại trình Đại hội đồng cổ đông.

- Tiền thưởng: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định mức thưởng cho người quản lý (tính đến thời điểm hiện tại Công ty chưa nhận được xếp loại doanh nghiệp của Tập đoàn CN Cao su Việt Nam năm 2017, dự kiến năm 2017 Công ty xếp loại A, được trích tiền thưởng bằng 1,5 tháng tiền lương). Khi có xếp loại danh nghiệp chính thức, HĐQT căn cứ theo loại của doanh nghiệp để xác định mức trích thưởng theo quy định.

2. Năm 2018:

a. Tiền lương, thù lao và tiền thưởng:

đơn vị tính: đồng

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Quỹ tiền lương KH (bằng mức 95,55% tiền lương cơ bản)	Số tháng công tác	Tổng	Tiền thưởng bằng 1,5 tháng tiền lương
A	B	C	1	2	3=1*2	4=1*1,5 tháng
I	Quỹ lương của người quản lý chuyên trách		111.796.000	60	1.341.552.000	167.695.000
1	Trương Văn Cư	TV HĐQT- TGD	24.844.000	12	298.128.000	37.266.000
2	Lê Thị Bích Lợi	TV HĐQT- Phó TGD	21.977.000	12	263.724.000	32.966.000
3	Đoàn Kim Chung	TV HĐQT- Phó TGD	21.977.000	12	263.724.000	32.966.000
4	Nguyễn Văn Sang	Trưởng Ban KS	22.932.000	12	275.184.000	34.398.000
5	Lâm Thanh Phú	Kế toán trưởng	20.066.000	12	240.792.000	30.099.000
II	Quỹ thù lao của NQL không chuyên trách (bằng 20% tiền lương của NQL chuyên trách)		18.536.000	48	222.432.000	
1	Trương Minh Trung	CTHĐQT	4.969.000	12	59.628.000	
2	Đỗ Thành Nghiệp	TV HĐQT	4.395.000	12	52.740.000	
3	Hoàng Quốc Hưng	KSV	4.586.000	12	55.032.000	
4	Trần Nguyễn Duy Sinh	KSV	4.586.000	12	55.032.000	
	Tổng cộng		130.332.000		1.563.984.000	167.695.000

b. Cách thức chi trả:

- Tiền lương và thù lao: hàng tháng Công ty tạm chi trả 80% quỹ tiền lương kế hoạch, cuối năm tài chính khi có xác nhận quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 của Tập đoàn CN Cao su Việt Nam Công ty tính toán lại trình Đại hội đồng cổ đông.

- Tiền thưởng khi có xếp loại doanh nghiệp của Tập đoàn CN Cao su Việt Nam năm 2018, trên cơ sở đó Công ty xác định mức tiền thưởng trình Đại hội đồng cổ đông. Dự kiến năm 2018 Công ty xếp loại A, được trích tiền thưởng bằng 1,5 tháng tiền lương.

3. Kế hoạch tiền lương năm 2018

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Kế hoạch tiền lương năm 2018 sau khi được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thỏa thuận.

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 87.168.969 cổ phần, chiếm 99,997 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 9: Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2018

Chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán (AASC) để soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên. Ủy quyền Tổng giám đốc Công ty thực hiện các thủ tục và ký Hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Hãng Kiểm toán (AASC).

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 87.168.969 cổ phần, chiếm 99,997 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 10: Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên.

Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty CP Cao su Tân Biên ra quyết định ban hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty.

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 87.168.969 cổ phần, chiếm 99,997 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 11: Tờ trình miễn nhiệm và bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT.

- Miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên (Thành viên không điều hành) đối với ông **Đỗ Thành Nghiệp** kể từ thời điểm kết thúc ĐHCĐ ngày 15/6/2018.
- Bầu cử bổ sung ông **Dương Tấn Phong** là Giám đốc Nông trường Cao su Tân Hiệp – Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên giữ chức danh Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên (Thành viên không điều hành).

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 87.168.969 cổ phần, chiếm 99,997 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 12: Bầu bổ sung Thành viên HĐQT

Phân biểu quyết thông qua danh sách ứng cử, đề cử chức danh Thành viên HĐQT như sau:

Tên ứng viên: Dương Tấn Phong

Sinh ngày: 18/4/1968

CMND: 290370686 Do Công an Tây Ninh cấp ngày 24/10/2005.

Địa chỉ thường trú: Khu phố Hiệp Lễ, Phường Hiệp Ninh, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 87.168.969 cổ phần, chiếm 99,997 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Tỷ lệ biểu quyết cụ thể:

Danh sách trúng cử	Tỷ lệ biểu quyết		
	Số phiếu bầu	Tỷ lệ	Kết quả
Thành viên HĐQT	87.168.969	99,997%	Trúng cử

PHẦN V: THÔNG QUA BIÊN BẢN CUỘC HỌP

Người trình bày: Ông Bùi Thống Nhứt đọc biên bản cuộc họp

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 với 100 % số phiếu tán thành.

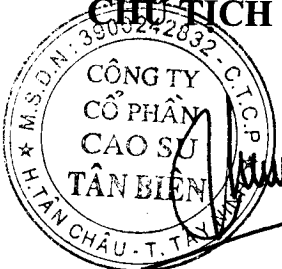
Biên bản này được lập thành 04 bản và được lưu tại Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên.

Đại hội kết thúc 11 giờ 00 cùng ngày.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

lu
Bùi Thống Nhứt

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH ĐOÀN**


Trần Mát Trang

Số: 02 /NQ-ĐHĐCĐCSTB

Tây Ninh, ngày 15 tháng 6 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên đã được Đại hội đồng cổ đông lần đầu năm 2016 thông qua ngày 21/04/2016;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên ngày 15/6/2018,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo Hội đồng quản trị năm 2017 và Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018.

Điều 2. Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát năm 2017 và Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán Riêng và Hợp nhất năm 2017.

Điều 4. Thông qua báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 gồm các chỉ tiêu chính như sau:

I.	CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG		
1.	Tổng diện tích cao su	Ha	6.153,52
	- Diện tích vườn cây cao su khai thác	Ha	3.991,91
	+ <i>Diện tích cao su Công ty tự khai thác</i>	<i>Ha</i>	<i>3.841,42</i>
	+ <i>Diện tích cao su nhượng quyền khai thác</i>	<i>Ha</i>	<i>150,49</i>
	- Diện tích cao su KTCB	Ha	1.831,07
	- Diện tích cao su tái canh trong kỳ	Ha	330,54
2.	Năng suất	tấn/ha	1,85
3.	Sản lượng cao su khai thác	tấn	7.400
	- <i>Sản lượng Công ty tự khai thác</i>	<i>tấn</i>	<i>7.140</i>
	- <i>Sản lượng nhượng bán quyền khai thác</i>	<i>tấn</i>	<i>260</i>
4.	Sản lượng cao su thu mua	tấn	1.000
5.	Cao su chế biến	tấn	8.140
6.	Sản lượng tiêu thụ trong năm	tấn	10.700



	+ Xuất khẩu & Ủy thác XK	tân	1.800
	+ Nội tiêu	tân	8.900
II.	CHỈ TIÊU GIÁ TRỊ		
1.	Giá thành tiêu thụ bình quân	Triệu đồng/tân	31,89
	<i>Trong đó: Giá thành mù Công ty khai thác</i>	<i>Triệu đồng/tân</i>	<i>30,00</i>
2.	Giá bán bình quân	Triệu đồng/tân	36,27
	<i>Trong đó: Giá bán mù Công ty khai thác và thu mua</i>	<i>Triệu đồng/tân</i>	<i>36,50</i>
3.	Tổng doanh thu. <i>Trong đó:</i>	Triệu đồng	595.098
	- Sản xuất kinh doanh cao su	Triệu đồng	388.050
	- Sản xuất kinh doanh khác	Triệu đồng	416
	- Hoạt động tài chính	Triệu đồng	2.000
	- Hoạt động khác (thanh lý vườn cây,...)	Triệu đồng	204.632
	+ <i>Trong đó: Thanh lý vườn cây cao su</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>200.000</i>
4.	Tổng chi phí	Triệu đồng	344.138
5.	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	250.959
	<i>Trong đó: Lợi nhuận từ hoạt động SXKD cao su</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>46.777</i>
6.	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	200.767
7.	Tỷ suất lợi nhuận		
	- Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	42,17
	- Lợi nhuận trước thuế/VDL	%	28,54
8.	Tỷ lệ chia cổ tức	% /mệnh giá	10%
III.	CHỈ TIÊU ĐẦU TƯ		
1.	Vốn đầu tư XDCB và đầu tư tài chính	Triệu đồng	231.196
a.	Đầu tư XDCB	Triệu đồng	27.141
	- Xây lắp	Triệu đồng	21.024
	<i>Trong đó: Đầu tư nông nghiệp</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>20.308</i>
	- Thiết bị	Triệu đồng	4.717
	- Chi phí khác	Triệu đồng	80
	- Trả lãi vay ngân hàng	Triệu đồng	1.321
b.	Trả nợ vay tín dụng dài hạn	Triệu đồng	1.599
c.	Đầu tư tài chính dài hạn	Triệu đồng	202.456
	- Công ty CP Cao Su Tân Biên Kampong Thom	Triệu đồng	200.456
	- Mua lại cổ phần (của cán bộ -CNV Công ty) tại Công ty CP cao su Tân Biên Kampong Thom	Triệu đồng	2.000
2.	Nguồn vốn:	Triệu đồng	231.196
a.	Vốn chủ sở hữu:	Triệu đồng	221.313
b.	Vốn vay:	Triệu đồng	9.883

Mục Đầu tư tài chính dài hạn: Mua lại cổ phần (của CB-CNV Công ty) tại Công ty CP cao su Tân Biên Kampong Thom: dự kiến 2.000 triệu đồng. Giá trị đầu tư thực tế, Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty CPCS Tân Biên phê duyệt phương án mua lại cổ phần sau khi được Tập đoàn CN cao su Việt Nam thỏa thuận.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Kế hoạch sản xuất năm 2018 (nếu có điều chỉnh) sau khi được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thỏa thuận.

Điều 5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: đồng
1	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017	SỐ TIỀN
2	Trích lập quỹ đầu tư phát triển	235.010.026.617
3	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (3 tháng lương)	53.588.000.000
	Trong đó:	40.120.091.742
	+ Trích quỹ khen thưởng (3.3*80%):	32.096.073.394
	+ Trích quỹ phúc lợi (3.3*20%):	8.024.018.348
4	Trích quỹ khen thưởng VCQL:	307.183.750
5	Chia Cổ tức (7%/Vốn điều lệ)	61.561.500.000
	Cộng lợi nhuận phân phối	155.576.775.492
6	Lợi nhuận năm 2017 còn lại chưa phân phối:	79.433.251.125

Điều 6. Thông qua tiền lương của Người quản lý, thù lao của Người quản lý kiêm nhiệm; thưởng Người quản lý năm 2017 và Kế hoạch tiền lương năm 2018.

1. Năm 2017:

a. Tiền lương, thù lao và tiền thưởng:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Hệ số lương	Quý lương thực hiện năm 2017	Tiền lương thực chi 12 tháng năm 2017	Tiền lương còn lại	Tiền thưởng bằng 1,5 tháng lương	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4=2-3	5=2/12*1,5	5
I	Quý lương của người quản lý chuyên trách			26,22	2.363.904.000	2.177.783.400	186.120.600	295.488.000
1	Huỳnh Hữu Minh	CTHĐQT- Bí thư Đảng ủy Cty	5,16	443.232.000	408.612.200	34.619.800	55.404.000	10,5 tháng CTHĐQT; 1,5 tháng Bí thư Đảng ủy Cty
2	Trương Văn Cư	TV HĐQT-TGD	4,50	426.816.000	393.079.700	33.736.300	53.352.000	
3	Lê Thị Bích Lợi	TV HĐQT- Phó TGD	4,21	377.568.000	347.810.800	29.757.200	47.196.000	
4	Đoàn Kim Chung	TV HĐQT- Phó TGD	4,21	377.568.000	347.999.000	29.569.000	47.196.000	
5	Nguyễn Văn Sang	Trưởng Ban KS	4,21	393.984.000	362.770.200	31.213.800	49.248.000	
6	Lâm Thanh Phú	Kế toán trưởng	3,93	344.736.000	317.511.500	27.224.500	43.092.000	
II	Quý thù lao của NQL không chuyên trách (bằng 10% tiền lương của NQL chuyên trách)			93.566.000	74.853.000	18.713.000		
1	Trương Minh Trung	CTHĐQT		5.336.000	4.269.000	1.067.000		Công tác 1,5 tháng
2	Đỗ Thành Nghiệp	TVHĐQT		9.438.000	7.550.000	1.888.000		Công tác 3 tháng
3	Phạm Ngọc Tiến	KSV		13.132.000	10.506.000	2.626.000		Công tác 4 tháng
4	Hoàng Quốc Hưng	KSV		39.396.000	31.517.000	7.879.000		
5	Trần Nguyễn Duy Sinh	KSV		26.264.000	21.011.000	5.253.000		Công tác 8 tháng
	Tổng cộng			2.457.470.000	2.252.636.400	204.833.600		

b. Cách thức chi trả:

- Tiền lương và thù lao: hàng tháng Công ty tạm chi trả 80% quỹ tiền lương kế hoạch, cuối năm tài chính khi có xác nhận quỹ tiền lương thực hiện năm 2017 của Tập đoàn CN Cao su Việt Nam Công ty tính toán lại trình Đại hội đồng cổ đông.

- Tiền thưởng: Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho HĐQT quyết định mức thưởng cho người quản lý (tính đến thời điểm hiện tại Công ty chưa nhận được xếp loại doanh nghiệp của Tập đoàn CN Cao su Việt Nam năm 2017, dự kiến năm 2017 Công ty xếp loại A, được trích tiền thưởng bằng 1,5 tháng tiền lương). Khi có xếp loại danh nghiệp chính thức, HĐQT căn cứ theo loại của doanh nghiệp để xác định mức trích thưởng theo quy định.

2. Năm 2018:

a. Tiền lương, thù lao và tiền thưởng:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Quỹ tiền lương KH (bằng mức 95,55% tiền lương cơ bản)	Số tháng công tác	Tổng	Tiền thưởng bằng 1,5 tháng tiền lương
A	B	C	1	2	3=1*2	4=1*1,5 tháng
I	Quỹ lương của người quản lý chuyên trách		111.796.000	60	1.341.552.000	167.695.000
1	Trương Văn Cư	TV HĐQT- TGD	24.844.000	12	298.128.000	37.266.000
2	Lê Thị Bích Lợi	TV HĐQT- Phó TGD	21.977.000	12	263.724.000	32.966.000
3	Đoàn Kim Chung	TV HĐQT- Phó TGD	21.977.000	12	263.724.000	32.966.000
4	Nguyễn Văn Sang	Trưởng Ban KS	22.932.000	12	275.184.000	34.398.000
5	Lâm Thanh Phú	Kế toán trưởng	20.066.000	12	240.792.000	30.099.000
II	Quỹ thù lao của NQL không chuyên trách (bằng 20% tiền lương của NQL chuyên trách)		18.536.000	48	222.432.000	
1	Trương Minh Trung	CTHĐQT	4.969.000	12	59.628.000	
2	Đỗ Thành Nghiệp	TV HĐQT	4.395.000	12	52.740.000	
3	Hoàng Quốc Hưng	KSV	4.586.000	12	55.032.000	
4	Trần Nguyễn Duy Sinh	KSV	4.586.000	12	55.032.000	
	Tổng cộng		130.332.000		1.563.984.000	167.695.000

b. Cách thức chi trả:

- Tiền lương và thù lao: hàng tháng Công ty tạm chi trả 80% quỹ tiền lương kế hoạch, cuối năm tài chính khi có xác nhận quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 của Tập đoàn CN Cao su Việt Nam Công ty tính toán lại trình Đại hội đồng cổ đông.

- Tiền thưởng khi có xếp loại doanh nghiệp của Tập đoàn CN Cao su Việt Nam năm 2018, trên cơ sở đó Công ty xác định mức tiền thưởng trình Đại hội đồng cổ đông. Dự kiến năm 2018 Công ty xếp loại A, được trích tiền thưởng bằng 1,5 tháng tiền lương.

3. Kế hoạch tiền lương năm 2018

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Kế hoạch tiền lương năm 2018 sau khi được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thỏa thuận.

Điều 7. Chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán (AASC) để soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên. Ủy quyền Tổng giám đốc Công ty thực hiện các thủ tục và ký Hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Hãng Kiểm toán (AASC).

Điều 8. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty CP Cao su Tân Biên ra quyết định ban hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 9. Thông qua bổ sung ngành nghề sản xuất, kinh doanh mủ cao su RSS1 và RSS3. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền HĐQT lập các thủ tục bổ sung ngành nghề theo quy định.

Điều 10. Thông qua Tờ trình miễn nhiệm và bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT.

- Miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên (Thành viên không điều hành) đối với ông **Đỗ Thành Nghiệp** kể từ thời điểm kết thúc ĐHĐCĐ ngày 15/6/2018.
- Bầu cử bổ sung ông **Dương Tấn Phong** là Giám đốc Nông trường Cao su Tân Hiệp – Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên giữ chức danh Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên (Thành viên không điều hành).

Điều 11. Thông qua Bầu bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021

1. Thông qua danh sách ứng cử, đề cử chức danh Thành viên HĐQT như sau:

Tên ứng viên: Dương Tấn Phong

Sinh ngày: 18/4/1968

CMND: 290370686 Do Công an Tây Ninh cấp ngày 24/10/2005.

Địa chỉ thường trú: Khu phố Hiệp Lễ, Phường Hiệp Ninh, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

2. Thông qua kết quả bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021, kết quả như sau:

Ông Dương Tấn Phong, sinh ngày 18/4/1968, CMND: 290370686 Do Công an Tây Ninh cấp ngày 24/10/2005 – Trúng cử Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên nhiệm kỳ 2016-2021.

Điều 12. Nghị quyết này đã được đọc toàn văn trước cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Cao su Tân Biên ngày 15/6/2018, được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỉ lệ tán thành là 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/6/2018.

Giao Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 thông qua tại Nghị quyết này và công bố thông tin theo đúng quy định.

Nơi nhận:

- Cổ đông RTB;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu: VT, TK. HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH ĐOÀN**



Trương Minh Trung